

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

**BẢO ĐẢM QUYỀN BÀO CHỮA
CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. ĐINH THỊ MAI**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Tiến sĩ Luật học Đinh Thị Mai – người đã hướng dẫn khoa học và tạo điều kiện giúp tôi hoàn thành Luận văn này.

Tôi cũng xin bày tỏ sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giảng viên của khoa Luật thuộc Học viện khoa học xã hội Việt Nam và các thầy cô cộng tác viên giảng dạy tại Khoa - những người đã tận tình dìu dắt và truyền đạt những kiến thức khoa học pháp lý bổ ích cho tôi trong suốt khoá học.

Xin cảm ơn gia đình, người thân, các bạn đồng môn và đồng nghiệp đã luôn ở bên cạnh động viên và cổ vũ tôi trong quá trình thực hiện Luận văn này.

Học viên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của bản thân tôi, chưa từng được công bố trong một công trình khoa học nào của người khác. Các tài liệu tham khảo được trích dẫn hợp pháp.

Học viên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN	7
1.1. Một số khái niệm liên quan đến bảo đảm quyền bảo chữa của người của người bị buộc tội chưa thành niên	7
1.2. Vai trò và các hình thức thực hiện quyền bảo chữa của người bị buộc tội chưa thành niên	13
1.3. Cơ sở pháp lý của bảo đảm quyền bảo chữa của người bị buộc tội CTN theo pháp luật TTHS Việt Nam	18
1.4. Các yếu tố bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN.....	24
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN TẠI ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ	29
2.1. Khái quát tình hình người chưa thành niên phạm tội tại địa bàn tỉnh Quảng Trị	29
2.2. Thực trạng thực hiện quyền bảo chữa của người bị buộc tội chưa thành niên	32
2.3. Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền bảo chữa của người bị buộc tội chưa thành niên tại địa bàn tỉnh Quảng Trị	46
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	54
3.1. Quan điểm chung về tăng cường bảo đảm quyền bảo chữa của người bị buộc tội chưa thành niên trong Tổ tụng hình sự Việt Nam hiện nay	54
3.2. Các biện pháp cụ thể tăng cường bảo đảm quyền bảo chữa của người bị buộc tội chưa thành niên trong Tổ tụng hình sự	62
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CCTP	Cải cách tư pháp
CQĐT	Cơ quan điều tra
CTN	Chưa thành niên
CU'QT	Công ước Quốc tế
HĐXX	Hội đồng xét xử
NBC	Người bào chữa
QBC	Quyền bào chữa
TGPL	Trợ giúp pháp lý
TGTT	Tham gia tố tụng
THTT	Tiến hành tố tụng
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
VAHS	Vụ án hình sự
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Thống kê tình hình người CTN phạm tội bị CQĐT khởi tố từ 2011 đến 2015	31
2.2.	Thống kê tình hình người CTN phạm tội bị đưa ra xét xử từ 2011 đến 2015	33
2.3.	Thống kê số người bị buộc tội CTN có Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa	35

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Quyền bào chữa (QBC) là một quyền lợi đặc thù, cơ bản của công dân. Đây là một nguyên tắc Hiến định được ghi nhận tại Hiến Pháp năm 2013, đồng thời cũng là nguyên tắc cơ bản của pháp luật Tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam. Việc bảo đảm QBC của người bị buộc tội giúp cho cơ quan Tiến hành tố tụng (THTT) xác định được sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo hoạt động tố tụng được tiến hành đúng trình tự, xét xử công minh, kịp thời, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Việt Nam đã và đang tiến hành cải cách tư pháp (CCTP) nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) và một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác này chính là mở rộng hoạt động tranh tụng tại các phiên tòa xét xử hình sự. Xét đến cùng thì mục đích cơ bản mà TTHS hướng đến vẫn là bảo đảm tính công bằng của pháp luật và bảo vệ quyền con người (QCN), quyền công dân. Đặc biệt, khi đối tượng bị buộc tội là người chưa thành niên (CTN), chưa phát triển đầy đủ về thể chất, trí tuệ thì việc quy định và bảo đảm thực hiện QBC cho họ càng có ý nghĩa to lớn.

Trong những năm qua, vấn đề bảo đảm QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Tình trạng oan, sai trong điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn nhiều, chất lượng của hoạt động tố tụng chưa cao dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa đạt hiệu quả, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của người CTN, chưa đáp ứng được đòi hỏi của tiến trình đổi mới tư pháp ở Việt Nam.

Mặt khác, sau thời gian dài áp dụng pháp luật cho thấy những quy định của BLTTHS (BLTTHS) năm 2003 đối với người CTN phạm tội có một số nội dung đã bộc lộ sự thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ và cần thiết phải có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay. Những bất cập này đã dẫn đến sự tùy tiện của cơ quan THTT, người THTT khi áp dụng pháp luật, dẫn đến xâm phạm quyền và

lợi ích hợp pháp của người CTN. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, BLTTHS năm 2015 ra đời với những sửa đổi, bổ sung hợp lý, quy định một cách cụ thể, thống nhất hơn về thủ tục tố tụng đối với người bị buộc tội CTN. Tuy nhiên, để đảm bảo các quy định này được thực thi có hiệu quả thì đòi hỏi phải có sự định hướng đúng đắn và phù hợp.

Tại địa bàn tỉnh Quảng Trị, những năm vừa qua việc áp dụng thủ tục đặc biệt khi tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với những vụ án mà người bị buộc tội là đối tượng CTN tuy đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do cơ quan THTT chưa nắm vững và vận dụng chưa chính xác, triệt để các quy định của pháp luật tố tụng liên quan đến quá trình giải quyết vụ án do người CTN phạm tội. Đồng thời, do nhận thức của một bộ phận cán bộ THTT còn xem nhẹ vai trò CCTP, thậm chí vì lợi ích cục bộ, không chấp hành nghiêm ngặt các quy định của pháp luật TTHS, thiếu tôn trọng và chưa thực sự quan tâm đúng mức đến quyền lợi của người bị buộc tội CTN.

Từ các góc độ quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật nói trên cho thấy việc nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề bảo đảm QCN nói chung và QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS nói riêng theo tinh thần CCTP ở Việt Nam hiện nay là vấn đề có ý nghĩa lớn và mang tính cấp thiết.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài *“Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Trị”* làm Luận văn Thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS là vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Thời gian qua đã có một số công trình đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài này hoặc xem xét dưới sự tương quan là một phần, mục trong Giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận hay đề cập chung khi nghiên cứu vấn đề về bảo đảm QBC đối với người bị buộc tội nói chung và đối với người bị buộc tội CTN nói riêng.

Một số Giáo trình, sách chuyên khảo nổi bật như: Giáo trình Luật TTHS Việt Nam, Nxb Công an nhân dân năm 2002, Giáo trình Luật TTHS Việt Nam, Nxb Tư pháp Hà Nội năm 2006...; Sách Bình luận khoa học BLTTHS Việt Nam năm 2003 của tác giả Đinh Văn Quế, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 ...; Sách nghiên cứu: Khảo sát Luật sư chỉ định theo pháp luật TTHS và thực tiễn tại Việt Nam, Đảm bảo QBC của người bị buộc tội, PGS.TS Phạm Hồng Hải...; Báo cáo QBC trong pháp luật hình sự và thực tiễn tại Việt Nam trong khuôn khổ chương trình phát triển Liên Hợp Quốc tháng 8 năm 2010.

Bên cạnh đó, một số tác giả đã nghiên cứu và bảo vệ thành công các Luận án tiến sĩ, Luận văn thạc sĩ liên quan đến QBC của bị can, bị cáo là người CTN như: Luận án “Thực hiện QBC của bị can, bị cáo trong TTHS” của Hoàng Thị Sơn, Nguyễn Hữu Thế Trạch với Luận án “QBC của bị can, bị cáo là người CTN trong TTHS Việt Nam”, Luận án “Bảo đảm quyền có người bào chữa (NBC) của người bị buộc tội – so sánh giữa luật TTHS Việt Nam, Đức và Mỹ” của Lương Thị Mỹ Quỳnh...

Có thể thấy, hầu hết các đề tài, bài viết, sách chuyên khảo đều chỉ đề cập đến một số vấn đề nhất định có liên quan đến quyền, QBC của bị can, bị cáo CTN và có rất ít bài viết về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, việc nghiên cứu chỉ dừng lại ở đánh giá về tình hình người CTN phạm tội chứ chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống và toàn diện về đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN trong pháp luật TTHS và Luận văn này không trùng lặp với bất kỳ một công trình nghiên cứu nào khác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận về QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS Việt Nam thông qua việc phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn hoạt động TTHS liên quan. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi cơ chế bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN từ thực tiễn tỉnh Quảng Trị góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, Luận văn có các nhiệm vụ sau:

- Làm rõ về mặt lý luận và pháp luật liên quan đến vấn đề bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN.

- Đánh giá thực trạng bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua.

- Đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện pháp luật có liên quan đến bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là QBC của người bị buộc tội CTN theo quy định của pháp luật TTHS Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn chủ yếu phân tích các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam từ năm 1998 cho đến nay. Đồng thời, đánh giá tình hình thực tiễn thi hành QBC đối với người bị buộc tội CTN từ giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu mà đề tài đặt ra, tác giả đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước pháp quyền, về bảo đảm QCN để thấy rằng QBC là một quyền cơ bản, mang tính lịch sử và có sức ảnh hưởng lớn đến hiện thực xã hội.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh các phương pháp luận nêu trên, Luận văn kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, khái quát, đánh giá thực trạng và đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan đến bảo đảm QBC của người CTN bị buộc tội.

- Phương pháp phân tích lịch sử, thống kê, so sánh được sử dụng để đánh giá quá trình phát triển, thực trạng pháp luật về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN từ thực tiễn tỉnh Quảng Trị.

- Phương pháp so sánh cũng được sử dụng trong việc xác định quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN từ thực tiễn tỉnh Quảng Trị.

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp.

- Phương pháp tổng hợp, xử lý số liệu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện, chuyên sâu về vấn đề QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS và các biện pháp bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN, góp phần làm phong phú thêm những vấn đề lý luận và hoàn thiện pháp luật trong việc bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Với những phân tích sâu sắc các vấn đề lý luận về thủ tục TTHS đối với người CTN phạm tội và những khảo sát, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật TTHS về QBC của người bị buộc tội CTN, Luận văn sẽ đóng góp những thông tin có giá trị giúp các nhà hoạch định chính sách, các nhà lập pháp, các cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy cũng như các cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật có cách nhìn toàn diện, cụ thể và sâu sắc hơn đối với pháp luật về QBC của người bị buộc tội CTN. Đồng thời, tăng cường cơ sở pháp lý trong việc đảm bảo QBC đối với người bị buộc tội CTN ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu chuyên sâu, tài liệu tham khảo có giá trị trong hoạt động lập pháp TTHS, trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cũng như trong nghiên cứu, giảng dạy về TTHS.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn cấu trúc gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN theo pháp luật TTHS Việt Nam

Chương 2: Thực trạng bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN tại địa bàn tỉnh Quảng Trị

Chương 3: Các giải pháp tăng cường bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN BÀO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN

1.1. Một số khái niệm liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa của người của người bị buộc tội chưa thành niên

1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên

Thuật ngữ người CTN được sử dụng rộng rãi trong các ngành khoa học khác nhau. Tuy nhiên, thuật ngữ này vẫn chưa thực sự thống nhất. Trong các lĩnh vực khác nhau, thuật ngữ này cũng được hiểu theo những cách riêng, không giống nhau.

Theo Từ điển Luật học: "*Người CTN là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần, cũng như chưa có đầy đủ về quyền và nghĩa vụ công dân*" [39, tr. 1114]. Khái niệm này đã chỉ rõ: người CTN là người chưa hoàn thiện cả về thể lực, trí lực, tinh thần. Chính vì thế mà việc thực hiện các quyền cũng như tham gia vào các quan hệ pháp luật còn nhiều hạn chế.

Nếu chỉ xem xét quan điểm người CTN theo Từ điển Luật học thì rất khó xác định phạm vi, đối tượng là người CTN trong cơ cấu dân số. Bởi lẽ, yếu tố để xác định người CTN còn quá chung chung, chưa cụ thể và hoàn toàn mang tính chất định tính, chứ không hề đề cập đến yếu tố định lượng.

Theo Pháp luật Việt Nam hiện hành, độ tuổi của người CTN đã được thống nhất trong Bộ luật Hình sự 2015, BLTTHS 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Lao động 2012, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 và một số văn bản quy phạm pháp luật khác. Các văn bản đều quy định tuổi của người CTN là dưới 18 tuổi.

Như vậy, về độ tuổi, người CTN là người chưa đủ 18 tuổi, đây có thể coi là một giới hạn trên (tối đa) của tuổi CTN, còn giới hạn dưới (tối thiểu) thông thường là 0. Ở độ tuổi này, những đặc điểm về tâm sinh lý của người CTN có những biểu hiện khá phức tạp và mang những đặc trưng riêng tùy theo từng giai đoạn của sự phát triển. Qua việc nghiên cứu những đặc trưng về tâm sinh lý, xã

hội của người CTN, có thể nhận thấy một số điểm khác biệt của người CTN so với người thành niên:

- Người CTN là người chưa phát triển toàn diện về thể chất. Sự phát triển này biểu hiện ở sự tăng trưởng về chiều cao, trọng lượng, cơ bắp, sự hoàn thiện các giác quan... Điểm khác biệt này là do nhân tố sinh học.

- Người CTN là người là người chưa phát triển đầy đủ về trí tuệ và tâm sinh lý. Cũng như quá trình sinh học, não bộ của nhóm đối tượng này phát triển cùng với sự phát triển về thể chất.

- Người CTN chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân. Độ tuổi của NCTN là ranh giới để phân biệt họ với người thành niên. Theo đó người chưa đủ 18 tuổi là NCTN, chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân. Còn người từ đủ 18 tuổi trở lên, về nguyên tắc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân.

Tóm lại, người CTN là người dưới 18 tuổi, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất, tinh thần, chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên.

1.1.2. Khái niệm về quyền bào chữa

QBC là một trong những chế định quan trọng, phức tạp, vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn cao. Theo Từ điển Tiếng Việt “*Bào chữa là dùng lý lẽ và chứng cứ để bênh vực cho đương sự nào đó thuộc vụ án hình sự (VAHS) hay dân sự trước Tòa án hoặc cho một việc làm đang bị lên án*”. [40, tr. 38]. Từ trước đến nay, QBC đã được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu. Tuy nhiên, xung quanh khái niệm, nội dung, bản chất, chủ thể... của quyền này vẫn còn nhiều vấn đề gây tranh cãi giữa các nhà khoa học pháp lý cũng như những cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng: “*QBC là tất cả các quyền mà pháp luật quy định để chống lại sự buộc tội*” [18, tr. 49].

- Quan điểm thứ hai cho rằng: “*QBC là tổng hợp các hành vi tố tụng của bị can, bị cáo trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật nhằm đưa ra các chứng cứ để bào vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan*

THTT” [9, tr. 59].

Tác giả đã đề cập đến nội dung vượt quá phạm vi QBC của bị can, bị cáo. Bởi quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo được pháp luật TTHS điều chỉnh rất nhiều, nhưng có những quyền không thuộc nội hàm của QBC. Mặt khác, quan niệm "QBC là tổng hợp các hành vi tố tụng" là không đúng mà là tổng hợp các quyền trong đó có nhiều quyền được ghi trong pháp luật TTHS và cũng có một số quyền mà người bị buộc tội có thể tự thể hiện khi pháp luật không quy định.

- Quan điểm thứ ba cho rằng: *"QBC là tổng hợp các quyền tố tụng tạo khả năng cho bị can, bị cáo bào chữa về hành vi do mình thực hiện đã bị buộc tội và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khác"* [45, tr. 71]. Khái niệm này không đi thẳng vào nội dung của QBC.

- Quan điểm thứ tư cho rằng: *"QBC trong TTHS là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan THTT, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự (TNHS) của mình trong VAHS"* [13, tr. 29-30].

Ngoài các quan điểm nêu trên thì trong BLTTHS của các nước trên thế giới cũng có những luận điểm hết sức khác nhau về chủ thể của QBC.

Điều 47 BLTTHS Liên bang Nga cho rằng: *"NBC được tham gia tố tụng (TGTT) từ khi nhận được quyết định khởi tố bị can, trong trường hợp người bị tình nghi thực hiện tội phạm bị tạm giữ hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trước khi khởi tố bị can thì khi nhận được biên bản về việc bắt hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam"* [43].

Theo BLTTHS Nhật Bản thì QBC chỉ thuộc về người bị tình nghi và bị cáo. Điều 30 bộ luật này quy định: *"Bị cáo và người bị tình nghi có thể lựa chọn Luật sư bất cứ lúc nào"*. [44]

Như vậy ta thấy rằng, khái niệm về QBC được hiểu theo nhiều cách khác nhau nhưng hầu hết các quan điểm đều đã chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của việc bào chữa cho đối tượng bị buộc tội. Tuy nhiên, để có thể đưa ra được khái niệm

riêng, tổng quát về QBC của người bị buộc tội ta phải xem xét những đặc trưng cơ bản sau:

- QBC trong TTTHS thuộc về người bị buộc tội và ở các giai đoạn khác nhau của tố tụng. Đó là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (người bị kết án). Những người này được sử dụng các biện pháp do luật định để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và bình đẳng với Kiểm sát viên trong việc đưa ra lập luận gỡ tội.

- Mục đích sự tham gia của NBC trong TTTHS là nhằm bảo vệ các quyền lợi của người bị buộc tội khỏi sự vi phạm có thể từ phía người THPT, người TGTT khác.

- Quy trình bào chữa được thực hiện bởi người bị buộc tội, đại diện hợp pháp của họ (nếu có) hay do người mà người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo nhờ hoặc chỉ định được cơ quan THPT chấp nhận.

- Việc bào chữa được diễn ra công khai tại phiên tòa có sự tham gia đầy đủ của những người THPT và những người TGTT. Có một sự thống nhất là: bào chữa được hiểu là việc dùng lý lẽ, chứng cứ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Còn quyền là khái niệm pháp lý để chỉ những điều mà luật công nhận và bảo đảm thực hiện đối với cá nhân, tổ chức để theo đó cá nhân được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không ai được ngăn cản, hạn chế.

BLTTHS năm 2015 quy định: *“Người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa”*. Trong Hiến pháp năm 2013 tại Khoản 4 Điều 31 quy định: *“Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa”*.

Pháp luật hiện hành quy định QBC thuộc về người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và quyền này chỉ giới hạn trong việc bác bỏ một phần hay toàn bộ lời buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm cho người bị buộc tội. Đối với việc bảo vệ các quyền và lợi ích các chủ thể đó không trực tiếp liên quan tới việc bác bỏ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm cho họ trong vụ án thì không thuộc về giới hạn của QBC. Tuy nhiên, khi đã bào chữa cho người bị bắt, tạm giam, tạm giữ, bị can, bị cáo trong

vụ án thì NBC cũng đồng thời giúp cho họ trong việc bảo vệ các quyền đó.

Với những phân tích nêu trên và căn cứ vào quy định của Hiến pháp, của BLTTHS tác giả cho rằng quan niệm “*QBC trong TTHS là tổng hòa các hành vi tố tụng do người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan TTHS, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ TNHS của mình trong VAHS*” là chưa đầy đủ và chính xác. Bởi, buộc tội trong TTHS là quá trình chứng minh tội phạm của các chủ thể buộc tội đối với người bị buộc tội. Hoạt động buộc tội có thể được thực hiện thông qua quyết định có tính chất buộc tội chính thức như quyết định khởi tố, truy tố hoặc chủ thể buộc tội áp dụng một số biện pháp cưỡng chế như bắt, tạm giữ, khám xét trước khi khởi tố trên cơ sở phán đoán chủ quan của cơ quan có thẩm quyền trong tố tụng là cần thiết cho quá trình chứng minh tội phạm. Do đó, hoạt động bào chữa trong TTHS không chỉ hướng đến xác định sự vô tội, giảm nhẹ TNHS mà còn là sự phản biện trước những biện pháp cưỡng chế của chủ thể buộc tội hoặc thực hiện bất cứ biện pháp nào miễn phù hợp pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội.

Hơn nữa, về yếu tố chủ thể của QBC, tôi cho rằng người bị buộc tội trong TTHS trước hết là người bị khởi tố, truy tố, họ là những bị can, bị cáo. Tuy nhiên, trên thực tế còn có những người bị nghi ngờ phạm tội hoặc liên quan đến tội phạm mà Cơ quan điều tra (CQĐT) triệu tập để điều tra, xác minh nhưng chưa bị khởi tố bị can, thậm chí có trường hợp chưa khởi tố VAHS (gọi là người bị tình nghi). Và còn một đối tượng nữa cũng là chủ thể của QBC đó là người bị kết án nhưng bản án của họ chưa có hiệu lực thi hành và trường hợp người bị kết án nhưng bản án đã có hiệu lực của họ đã có quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Như vậy, Từ những hiểu biết của mình và kế thừa các quan điểm của các nghiên cứu được tham khảo, tác giả xin đưa ra khái niệm QBC trong TTHS như sau:

QBC trong TTHS là tổng hợp các quyền tố tụng của người bị tình nghi, bị can, bị cáo và người bị kết án (trường hợp bản án chưa có hiệu lực thi hành hoặc bản án đã

có hiệu lực nhưng có quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm) được đưa ra lý lẽ, chứng cứ hoặc thực hiện bất kỳ biện pháp nào phù hợp pháp luật nhằm xác định sự vô tội hay giảm nhẹ TNHS, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ trước sự buộc tội, góp phần làm sáng tỏ sự thật vụ án, bảo vệ công lý.

1.1.3. Khái niệm QBC của người bị buộc tội chưa thành niên

Pháp luật luôn coi người CTN là đối tượng đặc biệt cần được bảo vệ không chỉ trong cuộc sống hàng ngày mà ngay cả khi các họ là chủ thể của hành vi nguy hiểm cho xã hội đến mức phải truy cứu TNHS. Luật hình sự bảo vệ người CTN phạm tội và cũng quy định một chế tài riêng để xử lý phù hợp nhằm thể hiện tính nhân đạo trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Theo điểm đ, khoản 1, Điều 4 BLTTHS 2015 quy định: “*Người bị buộc tội gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*”. Người bị buộc tội là người CTN trong TTHS Việt Nam được hiểu là người đang ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi tại thời điểm họ bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố hình sự vì có đủ căn cứ xác định người đó đã thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm theo qui định của pháp luật. BLTTHS Việt Nam năm 2015 ghi nhận các quyền cũng như việc bảo đảm quyền tố tụng của người bị buộc tội CTN.

Như vậy, QBC của người bị buộc tội CTN là tổng hợp các quyền tố tụng của người bị tình nghi, bị can, bị cáo và người bị kết án CTN (trường hợp bản án chưa có hiệu lực thi hành hoặc bản án đã có hiệu lực nhưng có quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm) tự mình hoặc thông qua NBC của mình đưa ra lý lẽ, chứng cứ hoặc thực hiện bất kỳ biện pháp nào phù hợp pháp luật nhằm xác định sự vô tội hay giảm nhẹ TNHS, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ trước sự buộc tội, góp phần làm sáng tỏ sự thật vụ án, bảo vệ công lý.

1.1.4. Khái niệm bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

Bảo đảm theo nghĩa chung nhất “*là làm cho chắc chắn thực hiện được*”. Bảo đảm QBC của người bị buộc tội xuất phát từ yêu cầu bảo vệ QCN và bảo đảm nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong TTHS. Các cơ quan THTT có trách nhiệm bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện QBC của họ (tự bào chữa hoặc nhờ NBC).

Bảo đảm QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng là một nguyên tắc hiến định, nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS. CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cho QBC của người bị buộc tội CTN được thực hiện đúng đắn. Tôn trọng và bảo đảm QBC có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng xét xử và việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN được xác định ở những nội dung sau:

Thứ nhất: Nhà nước tạo điều kiện để người bị buộc tội CTN thực hiện QBC của mình (người đại diện hợp pháp mời NBC, tự mình bào chữa hoặc Nhà nước chỉ định NBC cho họ).

Thứ hai: Pháp luật TTHS nước ta giao cho CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình tố tụng có nhiệm vụ bảo đảm cho người bị buộc tội CTN thực hiện QBC.

Vậy, bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN là việc cơ quan THTT theo quy định của pháp luật chịu trách nhiệm, tạo điều kiện để họ thực hiện QBC của mình trên cơ sở quy định của BLTTHS nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Theo Điều 16, BLTTHS năm 2015 quy định có thể làm rõ như sau: Bảo đảm QBC của người bị buộc tội, CTN là: *“Người bị buộc tội CTN có quyền tự mình bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền THTT có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội CTN thực hiện đầy đủ QBC, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”*.

1.2. Vai trò và các hình thức thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

1.2.1. Vai trò quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

Việc ghi nhận đảm bảo QBC đối với người bị buộc tội là một nguyên tắc Hiến định đã thể hiện bản chất tốt đẹp và dân chủ của pháp luật Việt Nam. Bởi lẽ, tất cả những người bị bắt, bị tạm giữ, bị điều tra, truy tố và xét xử đều có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa. Ngay từ khi một người bị bắt, đã phát sinh quyền tự bào chữa, hoặc nhờ Luật sư bào chữa cho mình và điều này lại được bảo đảm bởi đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất là Hiến pháp đã phần nào khẳng

định được tầm quan trọng của QBC.

QBC là quyền quan trọng nhất của người vi phạm pháp luật hình sự, nó đóng vai trò như là một phương tiện pháp lý cần thiết để người bị buộc tội nói chung bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Riêng đối với người CTN, do những hạn chế nhất định về sự phát triển thể chất cũng như tinh thần nên sẽ gặp rất nhiều khó khăn và quyền lợi hợp pháp của họ có thể bị xâm hại nếu không có NBC trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Chính vì vậy, trong những vụ án mà người bị buộc tội CTN thì việc có NBC tham gia trong các giai đoạn tố tụng là hết sức cần thiết.

Đảm bảo thực hiện QBC, được bào chữa đối với người bị buộc tội CTN là nhằm mục đích tạo cho họ có một chỗ dựa vững chắc về pháp lý, tinh thần, kiến thức, niềm tin để công khai đứng ra bảo vệ mình, chống lại sự cáo buộc có tội của bên buộc tội. Vì vậy, đối với những vụ án mà người bị buộc tội là người CTN thì việc có NBC là bắt buộc, ngay cả trong trường hợp họ không thuê NBC. Đây chính là một quyền lợi mang tính chất đặc thù, khác biệt và ưu tiên hơn so với người bị buộc tội đã thành niên.

Việc thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN cần phải được tôn trọng và bảo đảm thực thi trong thực tế nhằm tạo thuận lợi cho việc tìm ra các biện pháp để chứng minh sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ TNHS cho người bị buộc tội CTN. Đồng thời, cũng khiến cho các cơ quan THTT phải thận trọng hơn trước, trong và sau khi đưa ra quyết định đối với người bị buộc tội CTN. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử cũng trở nên khách quan, công bằng và dân chủ hơn.

Như vậy, vai trò QBC của người bị buộc tội CTN không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ mà còn là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hiệu quả của hoạt động TTHS, thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

1.2.2. Các hình thức thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

Trong lịch sử pháp luật TTHS trước đây, địa vị pháp lý của bị can, bị cáo chưa được xác định rõ ràng nên họ thường bị coi là có tội và một khi đã bị coi là có tội,

mặc nhiên số phận của họ là số phận của kẻ bị tước phần lớn các quyền công dân. Hiện nay, với nguyên tắc coi người bị buộc tội là những người chưa có tội nên pháp luật TTHS đã dành cho họ nhiều quyền lợi trong suốt các giai đoạn tố tụng. Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Như vậy, trước khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì người bị buộc tội vẫn chưa bị coi là người có tội. Họ vẫn được đảm bảo một số quyền cơ bản của công dân. Tuy nhiên, do đang bị buộc tội nên phải buộc áp dụng những biện pháp tố tụng. Điều này có thể dẫn đến sự hạn chế về quyền tự do hay động chạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể... Chính vì vậy, để tránh sự độc đoán trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan THTT, người THTT thì pháp luật đã quy định người bị buộc tội có quyền được bào chữa và cơ chế bảo đảm QBC, ghi nhận trách nhiệm của cơ quan THTT, người THTT phải tạo điều kiện giúp người bị buộc tội thực hiện QBC. Việc đảm bảo QBC được thực hiện theo các hình thức sau đây:

1.2.2.1. Tự bào chữa

Tự bào chữa là quyền năng tố tụng đặc thù được pháp luật ghi nhận và bảo đảm cho phép người bị buộc tội tự thực hiện các hành vi tố tụng và quyền tố tụng. Theo đó, người bị buộc tội có thể dùng lý lẽ, đưa ra chứng cứ và những yêu cầu có lợi cho mình khi THTT để tự minh oan, bác bỏ sự buộc tội hoặc giảm nhẹ TNHS cho mình mà không nhất thiết phải có sự tham gia của NBC.

Tự bào chữa là một trong những hình thức thực hiện QBC của người bị buộc tội và là nội dung quan trọng của QBC trong TTHS. Bởi, hơn ai hết người bị buộc tội là người biết rõ nhất những tình tiết liên quan đến vụ án. Vì vậy, quy định người bị buộc tội có quyền tự bào chữa là một bảo đảm pháp lý cần thiết và được bảo đảm thực hiện xuyên suốt quá trình tố tụng, từ khi bị bắt cho đến khi Tòa án đưa ra phán quyết và bản án có hiệu lực pháp luật. Quyền tự bào chữa cũng không bị hạn chế kể cả khi có sự tham gia của NBC thì quyền năng này vẫn được pháp luật bảo đảm thực hiện. Khoản 2, Điều 320 BLTTHS 2015 nêu rõ: “*Bị cáo trình bày lời bào*

chữa; NBC trình bày lời bào chữa cho bị cáo; bị cáo, người đại diện của bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa”. Riêng người CTN, là người dưới 18 tuổi, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và nhận thức nên luôn được Nhà nước quan tâm, ưu ái. Đối với những vụ án mà người bị buộc tội CTN thì bắt buộc phải có sự tham gia của NBC trong quá trình THTT. Vì vậy, trong trường hợp người bị buộc tội CTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời NBC thì CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải yêu cầu Đoàn Luật sư phân công Văn phòng Luật sư cử NBC hoặc đề nghị Trung tâm Trợ giúp pháp lý (TGPL) Nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho người bị buộc tội CTN. Tuy nhiên, pháp luật vẫn đảm bảo quyền tự mình bào chữa của người bị buộc tội CTN. Họ hoàn toàn có quyền tự biện hộ, đưa ra những luận điểm, bằng chứng để gỡ tội cho mình.

Để thực hiện quyền tự bảo vệ mình trước sự buộc tội của các cơ quan THTT, BLTTHS quy định người bị buộc tội có quyền được biết lý do mình bị bắt; mình bị khởi tố về tội gì; được nhận quyết định khởi tố; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng, quyết định truy tố; các quyết định tố tụng khác theo quy định của pháp luật TTHS; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu. Tại điểm ii (b) khoản 2 Điều 40 CUQT về Quyền trẻ em quy định: *“mọi trẻ em bị coi là đã vi phạm pháp luật hình sự; được thông báo nhanh chóng và trực tiếp về những điều bị buộc tội và nếu thích hợp thông báo qua cha mẹ hay người giám hộ pháp lý, được sự giúp đỡ về pháp lý hoặc những giúp đỡ thích hợp khác để chuẩn bị và trình bày sự bảo vệ của mình”.*

Mặc dù, pháp luật đã quy định một cách cụ thể các quyền nêu trên nhưng trong thực tế do trình độ hiểu biết pháp luật, nhận thức còn hạn chế hay vì những lý do khác mà người bị buộc tội CTN thường không thể vận dụng có hiệu quả quyền tự bào chữa. Do đó, để bảo đảm quyền tự bào chữa của người bị buộc tội CTN thì đòi hỏi CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải có trách nhiệm giải thích cho họ biết những quy định của pháp luật và tạo mọi điều kiện để họ có thể vận dụng các quyền nêu trên.

1.2.2.2. Nhờ luật sư, người khác bào chữa hoặc bào chữa thông qua người đại diện hoặc cơ quan THTT chỉ định NBC

Bên cạnh việc sử dụng biện pháp do pháp luật quy định để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì người bị buộc tội CTN còn có thể nhờ luật sư, người khác bào chữa hoặc bào chữa thông qua người đại diện hoặc cơ quan THTT chỉ định NBC bào chữa cho mình.

Đây là hình thức hỗ trợ cho người bị buộc tội thực hiện QBC của mình khi họ không đủ khả năng tự thực hiện.

Việc quy định người bị buộc tội có quyền nhờ Luật sư, người đại diện, cơ quan THTT chỉ định NBC là hết sức cần thiết trong việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm QBC. Đồng thời, tạo điều kiện để người bị buộc tội CTN thực hiện các quyền tố tụng khác mà pháp luật quy định chống lại sự buộc tội của cơ quan THTT, bảo vệ được quyền lợi của công dân.

Thực tiễn cho thấy, không phải người bị buộc tội CTN nào cũng có khả năng thực hiện quyền tự bào chữa một cách có hiệu quả. Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý của người CTN, là người chưa phát triển đầy đủ về tinh thần, nhận thức pháp luật hạn chế cho nên việc tự mình bào chữa sẽ khó đạt hiệu quả cao mà họ rất cần có sự hỗ trợ và đối xử đặc biệt ngay cả trong trường hợp họ vi phạm pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo một cách tối ưu QBC của người bị buộc tội CTN, cũng như giúp đỡ họ về mặt pháp lý thì nhà làm luật đã quy định đối với những vụ án mà người bị buộc tội CTN sự tham gia của NBC là bắt buộc. Điều này đã được quy định cụ thể tại điểm b, khoản 1, Điều 76 BLTTHS 2015. Như vậy, với quy định này pháp luật đã chính thức thừa nhận QBC của người bị buộc tội CTN và đưa ra cơ chế nhằm bảo đảm cho người CTN thực hiện được QBC trên thực tế. Đây là một quy định hết sức tiến bộ và đúng đắn. Bởi lẽ, NBC là người có kiến thức chuyên sâu và am hiểu pháp luật cũng như dày dặn kinh nghiệm thực tế cho nên khi tham gia vào quá trình giải quyết vụ án sẽ có thể giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người CTN. Đồng thời, sự tham gia của NBC cũng góp phần vào việc xác định sự thật của vụ án, không để người CTN bị buộc tội oan sai.

Việc quy định bắt buộc phải có NBC khi người bị buộc tội dưới 18 tuổi đã khẳng định thái độ nhất quán của Nhà nước Việt Nam trong hết sức tôn trọng và bảo vệ QCN, trong đó có quyền trẻ em. Việc cơ quan THTT không thực hiện nghĩa vụ triệu tập NBC trong trường hợp trên bị coi là hành vi vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng. Bởi lẽ, sự có mặt của NBC trong quá trình giải quyết vụ án là cơ sở bảo đảm cho việc bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội CTN.

Quyền được nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa là một quyền cơ bản của người bị buộc tội và tồn tại song song với quyền tự bào chữa. Họ có thể đồng thời tự mình thực hiện việc bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Việc lựa chọn NBC phụ thuộc vào ý chí của người bị buộc tội (khoản 1 Điều 75 BLTTHS 2015). Họ có quyền thực hiện hoặc từ chối quyền được nhờ NBC. Trong trường hợp người bị buộc tội tự thuê NBC, thì chi phí cho việc bào chữa sẽ do họ tự chi trả.

Như vậy, quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa là hai nội dung của QBC, nó có tác dụng bổ sung cho nhau chứ không triệt tiêu lẫn nhau và có thể cùng song song tồn tại. Điều này có nghĩa là khi người bị buộc tội nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa cho mình thì họ vẫn có quyền tự bào chữa và ngược lại. Tại phiên tòa, sau khi kiểm sát viên trình bày lời luận tội bị cáo được quyền trình bày lời bào chữa, nếu bị cáo có nhờ NBC thì sau khi NBC bào chữa cho bị cáo, bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa. Tại điểm d Điều 37 của CUQT về quyền trẻ em quy định các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng: “những trẻ em bị tước quyền tự do có quyền đòi hỏi được nhanh chóng hưởng sự giúp đỡ về pháp lý và những sự giúp đỡ thích hợp khác, cũng như quyền chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước quyền tự do của các em trước một Tòa án hay cơ quan khác có thẩm quyền, độc lập và có quyền đòi hỏi một cách nhanh chóng về bất kỳ hành động nào như vậy”.

1.3. Cơ sở pháp lý của bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội CTN theo pháp luật TTHS Việt Nam

1.3.1. Khái quát lịch sử lập pháp về quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

QBC là một quyền lợi đặc thù, cơ bản của công dân, là nguyên tắc hiến định được ghi nhận trong tất cả các bản Hiến pháp Việt Nam. Từ những bản Hiến pháp

đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Hiến pháp 1946 cũng đã khẳng định: “*Người bị cáo được quyền tự bào chữa hoặc mượn Luật sư*”. Hiến pháp 1959 ra đời tiếp tục ghi nhận: “*QBC của người bị cáo được đảm bảo*”. Đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển các chế định về thủ tục đặc biệt dành riêng cho người bị buộc tội CTN ở các giai đoạn sau này. Theo Hiến pháp 1980: “*QBC của bị cáo được bảo đảm, tổ chức Luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự về mặt pháp lý*”. Những quy định này đã đánh dấu sự ghi nhận mang tính hệ thống về QBC của người bị buộc tội CTN. Hiến pháp 1992 ra đời, khắc phục những hạn chế trong văn bản quy phạm pháp luật cũ. Đồng thời, tiếp tục khẳng định: “*QBC của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Tổ chức Luật sư được thành lập để giúp đỡ bị cáo...*”. Kế thừa tinh thần của các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định một cách rõ nét hơn đối với việc đảm bảo QBC của công dân. Tại khoản 4, Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa*”. Như vậy, theo quy định này thì không chỉ bị cáo mới có QBC như quy định của các bản Hiến pháp cũ mà ngay từ khi một người bị bắt, đã phát sinh quyền tự bào chữa, hoặc nhờ Luật sư bào chữa cho họ. Đây là một nguyên tắc tối ưu nhất nhằm bảo đảm QBC đối với người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng.

Bên cạnh đó, QBC còn được thể chế hóa một cách cụ thể, sâu rộng hơn thông qua việc quy định chi tiết trong luật chuyên ngành - BLTTHS. Tất cả các BLTTHS của Việt Nam từ trước đến nay đều nhấn mạnh và có những quy định nhằm đảm bảo QBC:

- Năm 1988, BLTTHS đầu tiên của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra đời. Cũng trong BLTTHS này, lần đầu tiên đã có một chương riêng quy định thủ tục đối với những vụ án mà bị can, bị cáo là người CTN - Chương XXXI. Vì vậy, các thủ tục tố tụng đối với bị can, bị cáo là người CTN cũng trở nên chặt chẽ hơn.

- Năm 2003, BLTTHS ra đời với nhiều điểm mới, quy định cụ thể về đảm bảo QBC đối với người bị buộc tội CTN. Điều 11, BLTTHS 2003 quy định: “*Bị can bị cáo có quyền nhờ người khác bào chữa. Cơ quan THTT có nhiệm vụ bảo đảm cho*

các đối tượng này thực hiện QBC của mình theo quy định của Bộ luật này”. Theo đó, trong VAHS, bị can, bị cáo đã thành niên hay CTN đều có QBC. Riêng người bị buộc tội CTN tham gia VAHS với các địa vị pháp lý cũng quy định rõ: Người đại diện hợp pháp của người bị buộc tội CTN có thể lựa chọn NBC hoặc tự mình bào chữa cho người bị buộc tội CTN. Trong trường hợp người bị buộc tội CTN hoặc người đại diện hợp pháp của người này không lựa chọn được NBC thì cơ quan THTT phải yêu cầu Đoàn Luật sư phân công Văn phòng Luật sư cử NBC cho họ. Điều này cũng ghi nhận quyền thay đổi NBC và quyền từ chối NBC của người bị buộc tội CTN.

- Gần đây nhất, BLTTHS 2015 khẳng định: “người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa”. Điều này cho thấy: QBC là một quyền tố tụng quan trọng, là hình thức chủ đạo để thực hiện chức năng bào chữa của người bị buộc tội trong TTHS. So với BLTTHS 2003 thì BLTTHS 2015 có những điểm mới ưu việt hơn, đảm bảo được QBC đối với người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng. Quy định cụ thể, minh bạch các thủ tục bào chữa trong từng giai đoạn tố tụng, tạo cơ sở pháp lý để cả cơ quan THTT và NBC làm tròn phận sự của mình.

1.3.2. Quy định của pháp luật Tố tụng hình sự về quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

BLTTHS 2003 ra đời đã đánh dấu một bước quan trọng trong kỹ thuật lập pháp của Việt Nam, thể hiện sự tiến bộ vượt bậc, khắc phục những hạn chế của BLTTHS 1988 và đưa ra những quy định mới phù hợp, đồng thời pháp điển hóa những văn bản hướng dẫn để quy định vào BLTTHS năm 2003. Qua hơn 10 năm thực hiện, BLTTHS 2003 đã bộc lộ một số nhược điểm, không còn phù hợp với thực tiễn. Để đáp ứng được yêu cầu CCTP của Nghị quyết số 49-NQ/TW và Nghị quyết số 08-NQ/TW, cùng với sự ra đời của Hiến pháp năm 2013 bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp, đòi hỏi phải được thể chế hóa trong BLTTHS và việc thay thế BLTTHS 2003 bằng một Bộ luật mới là hết sức cần thiết. Ngày 27/11/2015, Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khoá XIII (kỳ họp thứ 10) đã thông qua

BLTTHS số 101/2015/QH13 và Nghị quyết số 110/2015/QH13 về việc thi hành BLTTHS. BLTTHS năm 2015 sẽ sớm có hiệu lực thi hành trong thời gian tới.

So với BLTTHS 2003 thì BLTTHS 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện và ghi nhận một số điều luật mới tiến bộ hơn. Một trong những nội dung sửa đổi quan trọng liên quan đến nguyên tắc bảo đảm QBC được quy định như sau:

BLTTHS 2015 đã cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về đảm bảo QBC, tạo điều kiện để người bị buộc tội thực hiện tốt QBC, gỡ tội. Tại Điều 16 BLTTHS 2015 đã thay thế tên gọi: “*Bảo đảm QBC của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*” thành “*Bảo đảm QBC của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự*”. BLTTHS 2015 một lần nữa khẳng định việc bảo đảm QBC là một nguyên tắc cơ bản trong TTHS. Cụm từ “*người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*” được thay bằng “*người bị buộc tội bao gồm: người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*”. Như vậy, đã có sự mở rộng thêm đối tượng được hưởng QBC cả đối với người bị bắt chứ không chỉ riêng đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo như các quy định trước đó. Việc bổ sung QBC đối với người bị bắt xuất phát từ quan điểm cho rằng người bị bắt được xác định là người bị tình nghi thực hiện tội phạm đối với VAHS. Do vậy, họ có quyền được bào chữa. BLTTHS 2015 đã bổ sung đầy đủ các đối tượng được đảm bảo QBC không chỉ có người bị buộc tội mà còn có “*Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa*”, “*Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình.*”, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cả bị hại, đương sự, qua đó đã cho thấy sự tiến bộ và hoàn thiện vượt trội hơn so với BLTTHS 2003.

BLTTHS 2015 quy định thay quy định “*cấp Giấy chứng nhận NBC*” bằng quy định “*đăng ký bào chữa*”, rút ngắn thời hạn cấp giấy đăng ký bào chữa xuống còn 12 giờ đối với trường hợp bào chữa cho người bị tạm giữ, 24 giờ đối với trường hợp bào chữa cho bị can, bị cáo (trong đó có người bị buộc tội CTN) để NBC nhanh chóng tiếp cận với quá trình giải quyết vụ án.

Về cơ bản, người bị buộc tội CTN cũng có các quyền và nghĩa vụ như đối với

người bị buộc tội đã thành niên. Tuy nhiên, do những hạn chế về tâm sinh lý mà người bị buộc tội CTN thường gặp khá nhiều khó khăn trong việc tự bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. BLTTHS 2015 cũng quy định một số quyền và nghĩa vụ đặc biệt dành cho người bị buộc tội CTN trong đó có QBC. Điều 422 BLTTHS 2015 quy định: *“Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn NBC hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có NBC hoặc người đại diện của họ không lựa chọn NBC thì CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định NBC theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”*. So với BLTTHS 2003 thì BLTTHS 2015 đã quy định một cách chi tiết, cụ thể và đầy đủ hơn về QBC của người bị buộc tội CTN, Bởi lẽ, theo quy định của BLTTHS 2003 thì chỉ có người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là người CTN mới có thể lựa chọn NBC hoặc tự mình bào chữa cho bị can, bị cáo. Bị can, bị cáo là người CTN hoàn toàn bị phụ thuộc vào người đại diện hợp pháp của mình. Họ không có quyền tự bào chữa, không có quyền tự quyết lựa chọn NBC cho mình. Tuy nhiên, theo quy định của BLTTHS hiện hành thì QBC của người bị buộc tội CTN đã được đảm bảo một cách triệt để và dân chủ hơn. Theo đó, Không chỉ người đại diện của người bị buộc tội dưới 18 tuổi mới có quyền tự bào chữa hoặc lựa chọn NBC mà người bị buộc tội CTN cũng có quyền này. Tuy là người chưa trưởng thành nhưng họ vẫn có những nhận thức và hiểu biết nhất định để có thể tự bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho mình cũng như lựa chọn NBC để giúp đỡ mình trong việc đưa ra các lập luận, lý lẽ và bằng chứng gỡ tội hoặc làm giảm nhẹ TNHS cho bản thân.

Trong TTHS, đối với những vụ án mà người phạm tội đã thành niên thì họ được quyền lựa chọn cũng như quyết định có hay không có sự tham gia của NBC. Pháp luật quy định đây là quyền tự quyết của người phạm tội. Nếu họ có khả năng và thấy cần thiết phải có NBC thì được quyền mời NBC, và ngược lại. Việc có hay không có sự tham gia của NBC trong những trường hợp này cũng không ảnh hưởng gì đối với thủ tục giải quyết vụ án của các cơ quan THTT. Riêng đối với những vụ

án do người CTN thực hiện thì việc TGTT của NBC là bắt buộc. Bắt buộc có NBC trong những trường hợp này không phải là đối với người CTN cũng như người đại diện hợp pháp của họ mà là bắt buộc đối với các cơ quan THTT [10, tr. 396]. Theo đó: “*Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định đã nêu*”. Việc bào chữa trong những vụ án do người CTN thực hiện tội phạm luôn được Nhà nước quan tâm và đảm bảo thực hiện. Chính vì vậy, pháp luật quy định thủ tục bắt buộc phải có sự tham gia của NBC trong những vụ án này. Đây là điểm khác biệt rõ nét nhất giữa những vụ án do người CTN thực hiện với vụ án do người đã thành niên thực hiện. CQĐT bắt buộc phải chỉ định NBC cho người bị buộc tội CTN trong trường hợp không có NBC hoặc không lựa chọn được NBC.

Bổ sung một chương mới (Chương V) quy định các nội dung liên quan đến bào chữa nhằm bảo đảm cho NBC nhanh chóng tiếp cận với quá trình giải quyết vụ án. Việc bảo đảm QBC được thực hiện suốt quá trình tố tụng từ khi người CTN bị bắt cho đến khi Tòa án xét xử và tuyên bản án tại phiên tòa. Như vậy, BLTTHS hiện hành quy định thời điểm NBC có thể TGTT từ rất sớm, ngay khi người bị bắt có mặt tại trụ sở CQĐT. Điều này nhằm bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan THTT, góp phần chống oan sai trong TTHS.

Những người TGTT với tư cách NBC có thể là: Luật sư, người đại diện của người bị buộc tội, Bào chữa viên nhân dân và Trợ giúp viên pháp lý. BLTTHS 2015 đã bổ sung thêm NBC là Trợ giúp viên pháp lý. Đây là một sự bổ sung đúng đắn và phù hợp nhằm thống nhất giữa các quy định của Luật TGPL và BLTTHS.

Quy định bị can có quyền đọc, ghi chép bản sao hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra. Đây là một quy định mới tiến bộ và đảm bảo được sự khách quan trong quá trình giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên cho thấy BLTTHS 2015 đã quy định khá đầy đủ và rõ

nét về QBC của người bị buộc tội. Trong đó có những quy định đặc biệt áp dụng riêng với đối tượng người bị buộc tội CTN. Trong đó có nhiều quy định mới tiến bộ và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Điều đó khẳng định QBC của người bị buộc tội CTN đã được đảm bảo về mặt pháp lý.

1.4. Các yếu tố bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN

1.4.1. Bảo đảm về mặt pháp lý

Buộc tội và bào chữa luôn song song tồn tại. Trong thực tế, khi nói đến bào chữa, người ta thường cho rằng đó là chức năng đối lập với chức năng buộc tội. Tuy nhiên, đây là một cách lập luận thiếu chính xác. Bởi lẽ, trong trường hợp Viện kiểm sát đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì việc bào chữa không làm cho bị cáo trở thành vô tội, mà chỉ có thể đưa ra những tình tiết giảm nhẹ TNHS cho họ. QBC của người bị buộc tội luôn được ghi nhận một cách đầy đủ trong tất cả các bản Hiến pháp và các BLTTHS của Việt Nam qua các thời kỳ, cũng như trong các văn bản pháp luật hiện hành. Cụ thể: Điều 31 Hiến pháp 2013 quy định: “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa*”. Đây cũng chính là cơ sở để xây dựng nguyên tắc bảo đảm QBC của người bị buộc tội quy định tại Điều 16 BLTTHS 2015. Theo đó:

“Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa.

Cơ quan, người có thẩm quyền THTT có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ QBC, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này”.

Ngoài ra, BLTTHS 2015 còn có nhiều quy định liên quan đến việc thực hiện và bảo đảm QBC của người bị buộc tội như: Điều 72, 73, 74, 75, 76, 77, 291, 320... quy định về quyền của người bị buộc tội khi TGTT; về nghĩa vụ của NBC, những trường hợp cơ quan THTT phải đảm bảo có sự tham gia của NBC; trường hợp bào chữa chỉ định mà NBC vắng mặt tại phiên tòa thì HĐXX phải hoãn phiên tòa; NBC được trình bày lời bào chữa sau khi kiểm sát viên trình bày lời luận tội. Những trường hợp vi phạm các quy định trên đều ảnh hưởng tới QBC của người bị buộc tội và bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tùy theo giai đoạn tố tụng mà có

các chế tài tố tụng khác nhau như: trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay hủy án để điều tra lại hoặc xét xử lại.

Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với trẻ em nói chung và người CTN nói riêng. Việt Nam là nước châu Á đầu tiên, Quốc gia thứ hai trên thế giới ký kết và phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em vào ngày 20/02/1990. Xuất phát từ yêu cầu về sự tương đồng của pháp luật Việt Nam với các Điều ước quốc tế đã tham gia, Việt Nam đã ban hành các văn bản pháp luật liên quan tới quyền trẻ em, quy định về đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN.

Ngay từ khi xây dựng BLTTHS đầu tiên từ năm 1988 cho đến nay, chúng ta luôn dành một chương riêng để quy định về thủ tục đối với những vụ án mà người bị buộc tội là người CTN. Qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, các quy định này ngày càng dần hoàn thiện hơn. Cụ thể: Điều 422 BLTTHS 2015 quy định:

“Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.

Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn NBC hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội.

Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có NBC hoặc người đại diện của họ không lựa chọn NBC thì CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định NBC theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”.

Người CTN là những người còn khiếm khuyết về thể chất và tinh thần do chưa phát triển một cách hoàn thiện về tâm sinh lý. Vì vậy, đối với các vụ án mà người bị buộc tội CTN thì sự tham gia của NBC là hết sức cần thiết, đồng thời cũng là một quy định bắt buộc của pháp luật. Khi người CTN bị buộc tội, nếu họ hoặc gia đình họ không mời NBC thì cơ quan THTT cũng phải yêu cầu Đoàn Luật sư, Trung tâm TGPL Nhà nước cử Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho bị can. Bởi lẽ, người CTN là một trong những đối tượng yếu thế, chưa phát triển toàn diện về nhận thức nên rất cần được hỗ trợ, giúp đỡ để bảo vệ quyền lợi cho người CTN.

Pháp luật về TTHS ở nước ta còn quy định, trong VAHS mà người bị buộc tội CTN thì đòi hỏi những người THTT phải là người am hiểu về tâm lý học, giáo dục

học, xã hội học... Tuy nhiên, trong thực tế không phải lúc nào quy định này cũng được chấp hành nghiêm chỉnh. Vì vậy, pháp luật TTHS quy định: nếu xét thấy cần thiết Luật sư có thể yêu cầu cơ quan THTT phân công Hội thẩm nhân dân là nhà giáo hoặc cán bộ Đoàn thanh niên tham gia vào Hội đồng xét xử (HĐXX). Đây cũng là một trong những quy định nhằm đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN.

Tuy các quy định của pháp luật về bảo đảm QBC đối với người bị buộc tội CTN vẫn chưa thực sự đầy đủ nhưng cũng đã phần nào thể hiện rõ chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với người CTN.

1.4.2. Bảo đảm về mặt tổ chức

Bảo đảm về mặt tổ chức nhằm thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN là một vấn đề quan trọng: Tại Khoản 3, Điều 422, BLTTHS 2015 đã xác định: "*Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có NBC hoặc người đại diện của họ không lựa chọn NBC thì CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định NBC theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này*". Các cơ quan THTT góp phần không nhỏ vào việc bảo đảm QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng. Các cơ quan được tổ chức một cách hợp lý nhằm tăng cường tốt hơn nữa mối quan hệ giữa CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình tiến hành giải quyết VAHS.

- *Trách nhiệm của CQĐT*: Với nhiệm vụ điều tra vụ án, CQĐT đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án. Kết quả từ hoạt động của CQĐT sẽ là cơ sở để Viện kiểm sát quyết định truy tố hay không bị can ra trước Tòa án và là cơ sở để Tòa án xem xét làm căn cứ khi xét xử đối với bị cáo. Do đó, để bảo đảm QBC, CQĐT phải tạo những điều kiện cho người bị buộc tội tự mình bào chữa hoặc nhờ người khác thực hiện QBC, đặc biệt là đối với người CTN.

- *Trách nhiệm của cơ quan Viện kiểm sát*: Viện kiểm sát phải tạo những khả năng thực tế, các điều kiện cần thiết và sử dụng biện pháp do pháp luật quy định để người bị buộc tội CTN có thể hưởng QBC; đồng thời tạo thuận lợi cho NBC có thể tham gia tích cực vào việc bảo đảm QBC cho chủ thể đặc biệt này. Bên cạnh đó, bằng chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát ngăn ngừa, hạn chế và xử

lý các hành vi gây cản trở hoặc xâm hại đến QBC của người bị buộc tội CTN.

- *Trách nhiệm của cơ quan Tòa án:* Tòa án tiến hành thẩm tra toàn bộ chứng cứ, nghe ý kiến tranh tụng và đưa ra phán quyết đối với người bị buộc tội. Để việc xét xử tại phiên tòa luôn có hai bên tham gia: bên buộc tội và bên gỡ tội, thì cơ quan Tòa án luôn phải bảo đảm cho người bị buộc tội CTN và NBC của họ được tham gia phiên tòa. Việc có mặt của bị cáo tại phiên tòa là bắt buộc, đây là cơ sở để Tòa án thực hiện việc xét xử trực tiếp, công khai bằng lời nói và liên tục. Đây cũng chính là điều kiện để người bị buộc tội thực hiện quyền tự mình bào chữa.

Vì vậy, khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan THTT phải chú trọng thực hiện hai nhiệm vụ: bảo vệ sự thật, bảo vệ pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội CTN. Chính các biện pháp bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN sẽ tạo điều kiện cho cơ quan THTT, người THTT, người TGTT phát huy được năng lực trí tuệ của mình, làm cho hoạt động tố tụng thực sự khách quan, công bằng trên cơ sở tôn trọng các quyền cơ bản của người CTN.

1.4.3. Bảo đảm về mặt nhận thức

QBC của người bị buộc tội CTN không thể thực hiện được một cách triệt để hiệu quả khi mà các chủ thể TGTT không nhận thức đúng nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của nó. Cơ quan và người THTT là những chủ thể trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật nên đòi hỏi phải nhận thức được việc bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN chính là giúp họ giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, hoàn thành nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho họ thực hiện. Trong khoa học TTHS và thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn xuất hiện tư tưởng hạ thấp vai trò của NBC, vô hình chung đã làm yếu đi hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tội phạm, giúp cho kẻ phạm tội trốn tránh TNHS. Quan niệm này hoàn toàn trái với quy định của pháp luật và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Việc có sự tham gia của NBC sẽ góp phần làm rõ chứng cứ; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của người bị buộc tội CTN, bảo vệ kỷ cương pháp luật. Do vậy, việc tham gia của NBC vào quá trình giải quyết vụ án là cơ sở đảm bảo QBC.

Kết luận Chương 1

Bảo đảm QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng là một nguyên tắc hiến định, nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS. Do vậy, việc tôn trọng và bảo đảm QBC có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng điều tra, truy tố, xét xử và việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Trong chương 1 của Luận văn, tác giả đã trình bày một số vấn đề lý luận cơ bản về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN theo pháp luật TTHS Việt Nam như khái niệm liên quan đến đảm bảo QBC; vai trò và các hình thức thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN; Đồng thời, đề cập đến các cơ sở pháp lý và các yếu tố bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN. Việc nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận về QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS Việt Nam là rất cần thiết, là nền tảng cho việc phân tích thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ở Chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN TẠI ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Khái quát tình hình người chưa thành niên phạm tội tại địa bàn tỉnh Quảng Trị

Trong những năm gần đây, cùng với việc xây dựng các chủ trương, chính sách phát triển trên tất cả các lĩnh vực, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm, chăm lo về mọi mặt cho trẻ em và người CTN. Phần lớn các em đáp ứng được sự mong mỏi của gia đình và xã hội, sống có lý tưởng, không ngừng tu dưỡng về đạo đức, nỗ lực học tập, tiếp thu kiến thức nhằm cống hiến sức lực, trí tuệ của mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tuy nhiên, do những đặc điểm phát triển về tâm sinh lý của lứa tuổi này chưa hoàn thiện, nông nổi, dễ bị kích động, hiểu biết về pháp luật chưa sâu sắc nên một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên sống buông thả, đua đòi dẫn đến thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Thủ đoạn phạm tội của các đối tượng này không còn đơn giản, thiếu suy nghĩ, mà đã có sự tính toán, chuẩn bị kỹ càng và khá tinh vi. Thậm chí đã hình thành băng nhóm tội phạm có tính nguy hiểm cao.

Tội phạm CTN ở Việt Nam trong những năm gần đây đang trở thành mối quan tâm lớn của toàn xã hội cũng như các cơ quan chức năng. Các tội phạm có tính bạo lực do người CTN thực hiện ngày một phổ biến và có tính chất mức độ nghiêm trọng cao, gây nên nhiều bức xúc cho người dân và lo lắng trong dư luận. Tội phạm do người CTN thực hiện chủ yếu vẫn tập trung ở các thành phố, thị xã (chiếm 70%), đặc biệt là các thành phố lớn như: thành phố Hồ Chí Minh; Đồng Nai; Khánh Hòa; Đắk Lắk; Hà Nội; Hải Phòng... Theo số liệu thống kê của Trung tâm Nghiên cứu Tội phạm học và điều tra tội phạm, Học viện Cảnh sát nhân dân cho biết: Từ năm 2009 đến hết tháng 6/2014, cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp đã phát hiện, khởi tố điều tra mới 35.654 bị can là CTN phạm tội, chiếm khoảng hơn 16% tổng bị can

phạm tội hình sự.

Nằm ở trung điểm của đất nước, Quảng Trị có vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng an ninh. Là tỉnh đầu cầu về phía Việt Nam trên Hành lang kinh tế Đông Tây, có đường biên giới giáp với nước bạn Lào dài 206 km, với Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, 2 cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay và Quốc lộ 9 là trục đường xuyên Á nối liền Hành lang kinh tế Đông - Tây. Đường bờ biển dài 75 km đi qua địa bàn 13 xã thuộc 4 huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng. Đó chính là điều kiện thuận lợi để giao thương, phát triển kinh tế nhưng địa hình đa dạng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ tội phạm nảy sinh.

Theo báo cáo của Công an tỉnh Quảng Trị, từ năm 1998 đến năm 2011, tội phạm trong lứa tuổi CTN xảy ra 2085 vụ với 2644 đối tượng, tập trung nhiều nhất ở các tội trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng. Có một số đối tượng người CTN gây án đặc biệt nghiêm trọng như giết người, cướp, cướp giật tài sản. Các vụ phạm pháp hình sự do người CTN gây ra tập trung ở thị xã, thị trấn. Một số vụ các đối tượng phạm tội không chỉ do bồng bột, thiếu suy nghĩ mà đã có sự tính toán, chuẩn bị khá kỹ càng, tinh vi.

Đối với địa bàn Quảng Trị, hoạt động của các loại tội phạm tuy không phức tạp như một số tỉnh, thành phố lớn trong cả nước nhưng đang có những diễn biến mới, phức tạp nhất là tội phạm hình sự, tội phạm giết người, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, tội phạm công nghệ cao. Từ năm 2011 đến hết 6 tháng đầu năm 2015 xảy ra 2.470 vụ (trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 500 vụ). Tệ nạn đánh bạc, mại dâm diễn ra hết sức tinh vi, núp bóng dưới các cơ sở, ngành nghề kinh doanh hợp pháp; đã phát hiện 749 vụ/2666 đối tượng cờ bạc, 18 vụ/70 đối tượng mại dâm. Đặc biệt, tội phạm và tệ nạn ma túy gây nhiều hệ lụy phức tạp nhất cho xã hội, ảnh hưởng đến thuần phong, mỹ tục, đến sức khỏe giống nòi, hạnh phúc gia đình... và là một trong những nguyên nhân chính làm phát sinh và gia tăng các loại tội phạm. Trong đó, tội phạm ở lứa tuổi CTN tăng nhanh. Loại tội danh các em phạm phải cao nhất là trộm cắp tài sản. Một số vụ án do người CTN phạm tội có tính chất mức độ nghiêm trọng trong thời gian qua như vụ án 6 đối tượng đang là học sinh lớp 10 trên

địa bàn thành phố Đông Hà dùng dao Thái Lan xâu ầu dẫn đến hậu quả chết người.

Theo Báo cáo thống kê của Công an tỉnh Quảng Trị, từ năm 2011 đến năm 2015 tình hình người CTN phạm tội bị khởi tố diễn ra theo chiều hướng sau:

Bảng 2.1. Thống kê tình hình NCT phạm tội bị CQĐT khởi tố từ 2011 đến 2015

ĐVT: vụ, việc

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng VAHS do người CTN thực hiện	35	57	44	52	36
Tổng số bị can là người CTN	49	78	59	64	43

(Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình nhiệm vụ Công an nhân dân tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015)

Năm 2011, Công an Quảng Trị đã khởi tố 35 VAHS do 49 bị can là người CTN thực hiện.

Năm 2012, số vụ án do người CTN thực hiện bị CQĐT khởi tố là 57 vụ/78 bị can, tăng 22 vụ/29 bị can so với năm 2011.

Năm 2013, số vụ án do người CTN thực hiện bị CQĐT khởi tố là 44 vụ/59 bị can, giảm 13 vụ/19 bị can so với năm 2012.

Năm 2014, số vụ án do người CTN thực hiện bị CQĐT khởi tố là khởi tố là 52 vụ/64 bị can, tăng 08 vụ/05 bị can so với năm 2013.

Năm 2015, số vụ án do người CTN thực hiện bị CQĐT khởi tố là 36 vụ/43 bị can, giảm 16 vụ/21 bị can so với năm 2014.

Nhìn chung, tình hình người CTN phạm tội và số vụ do người CTN gây ra có chiều hướng giảm. Các đối tượng phạm tội đa số có trình độ văn hóa thấp, hầu hết người CTN phạm tội đều không có môi trường giáo dục tốt, thiếu sự quan tâm, chăm sóc từ gia đình, trường học, ăn chơi, đua đòi, tụ tập theo băng nhóm,... dẫn đến vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, tội phạm do người CTN thực hiện không chỉ xảy ra ở các thành phố, thị xã mà còn xảy ra ở các vùng nông thôn, kể cả vùng sâu, vùng xa. Chủ yếu tập trung tại các địa bàn: thành phố Đông Hà, huyện Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh...

Từ thực trạng nêu trên, có thể thấy rằng trong những năm gần đây, tình hình vi phạm pháp luật và phạm tội đã có chiều hướng kiềm giảm. Tuy nhiên, tính chất,

mức, mức độ vi phạm pháp luật ngày càng nghiêm trọng và tội phạm ngày một trẻ hóa. Vì vậy, cần có sự vào cuộc kịp thời của các cấp, các ngành và toàn xã hội để hạn chế tình trạng gia tăng người CTN phạm tội.

2.2. Thực trạng thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

2.2.1. Những kết quả đạt được

Thời gian qua, công tác giải quyết những VAHS nói chung, trong đó có những vụ án do người CTN thực hiện của các cơ quan THTT đã có những chuyển biến tích cực, nhằm thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp do Đảng và Nhà nước đề ra trong Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49/NQ/TW ngày 02/6/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” của Bộ Chính trị. Với nhiệm vụ điều tra vụ án, CQĐT đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Đối với CQĐT: Có thể nói, một nửa kết quả của việc giải quyết vụ án nằm ở giai đoạn điều tra. Do đó, bất cứ một sai sót hoặc vi phạm nào từ hoạt động của CQĐT cũng làm ảnh hưởng trực tiếp đến số phận pháp lý của người bị buộc tội. Có thể nói trong thời gian qua, hiệu quả từ hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ của CQĐT đã làm cơ sở để Viện kiểm sát đưa ra quyết định kịp thời, chính xác, đồng thời, đó cũng là căn cứ để Tòa án khi xét xử đối với người bị buộc tội, đảm bảo đúng người, đúng tội. Quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN cũng được đảm bảo ngay ở giai đoạn này. Để đảm bảo QBC, CQĐT đã tạo những điều kiện cho người bị buộc tội tự mình bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân: Trong tình hình chung của cả nước, chất lượng, hiệu quả công tác của ngành kiểm sát tỉnh Quảng Trị tiếp tục có nhiều tiến bộ, nâng cao được chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp... Nhìn chung các cấp kiểm sát đã thực hiện đúng thẩm quyền của mình trong việc xử lý án do người CTN thực hiện, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của BLTTHS và BLHS, xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội.

- Đối với Tòa án nhân dân: Trong công tác xét xử, Tòa án các cấp đã thực hiện

đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở quy định của BLTTHS và theo tinh thần CCTP. Tòa án đã tạo điều kiện, bảo đảm cho những người TGTT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của họ, nhất là đối với người bị buộc tội CTN. Việc phán quyết của Tòa án căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các chứng cứ trong hồ sơ.

Theo số liệu thống kê của ngành Tòa án tỉnh Quảng Trị, trong giai đoạn 2011-2015, Tòa án nhân dân 2 cấp đã thụ lý giải quyết 9893 vụ án, với 2359 VAHS, 7534 vụ án dân sự, hành chính, kinh tế, lao động và hôn nhân gia đình. Cụ thể:

Bảng 2.2. Thống kê tình hình NCT phạm tội bị đưa ra xét xử từ 2011 đến 2015

DVT: Vụ, việc

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số vụ án	1756	1917	2063	2192	2065
Vụ án hình sự	415	461	487	496	500
Vụ án do người CTN thực hiện	35	57	44	52	36

(Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình hoạt động ngành Tòa án tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015)

Qua phân tích, đánh giá có thể dễ dàng nhận thấy tình hình vi phạm pháp luật ngày một tăng cao, số lượng vụ án mà Tòa án các cấp thụ lý giải quyết không hề có dấu hiệu suy giảm, trong đó các VAHS luôn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ án được xét xử hàng năm. Cụ thể:

Năm 2011, Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã giải quyết 1756 vụ việc. Trong đó: các VAHS là 415 vụ, chiếm tỷ lệ 23,6%, với 35 vụ án do người CTN thực hiện, chiếm 8,4% trong tổng số các VAHS đã được Tòa án xét xử.

Năm 2012, Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh đã giải quyết 1917 vụ, tăng 161 vụ so với năm 2011. Trong đó, các VAHS là 461 vụ (tăng 46 vụ so năm 2011), chiếm tỷ lệ 24%, với 57 vụ án do người CTN thực hiện (tăng 22 vụ so với năm 2011), chiếm 12,4% trong tổng số các VAHS đã được Tòa án xét xử.

Năm 2013, Tòa án hai cấp đã giải quyết 2063 vụ án, tăng 146 vụ so với năm 2012. Trong đó, số án hình sự là 487 vụ, tăng 26 vụ so với năm 2012, chiếm tỷ lệ

23,6% trong tổng số vụ án đã được giải quyết. Với 44 vụ án do người CTN thực hiện, so với năm 2012 thì số vụ án do người CTN thực hiện có xu hướng giảm nhẹ (giảm 13 vụ) và chiếm tỷ lệ 9% tổng số VAHS đã được giải quyết trong năm.

Năm 2014, Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh đã giải quyết 2092 vụ án, tăng 29 vụ án so với năm 2013, trong đó, số án hình sự 496 vụ án, tăng 9 vụ so với năm 2013 và chiếm tỷ lệ 23,7%. Các VAHS do người CTN thực hiện 52 vụ, tăng 8 vụ so với năm 2013, chiếm 10,5% tổng số VAHS đã được Tòa án xét xử.

Năm 2015, Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh đã giải quyết là 2065 vụ, giảm 27 vụ so với năm 2014, số VAHS là 500 vụ, tăng 4 vụ và chiếm tỷ lệ 24,2% tổng số vụ án. Các VAHS do người CTN thực hiện 36 vụ, tiếp tục có xu hướng giảm xuống (giảm 16 vụ so với năm 2014), chiếm 7,2% tổng số VAHS đã được giải quyết.

Trong thời gian qua, về cơ bản Thẩm phán Tòa án đã tổ chức điều hành phiên tòa theo hướng mở rộng tranh tụng. Phối hợp với Trung tâm TGPL, Viện kiểm sát và CQĐT tạo điều kiện cho người bị buộc tội CTN thực hiện QBC và bảo vệ lợi ích chính đáng cho họ. Phán quyết của HĐXX căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người TGTT khác. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa ngày càng được nâng cao, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, chất lượng xét xử ngày càng được nâng cao.

Đối với các vụ án được xác định là án trọng điểm, phức tạp, Tòa án đã chủ động phối hợp từ đầu với CQĐT và Viện Kiểm sát để đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử VAHS. Tích cực trao đổi các vụ án có vướng mắc về chứng cứ, tội danh để đáp ứng yêu cầu không kết án oan, không bỏ lọt tội phạm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, án tuyên rõ ràng, tính thuyết phục cao, công khai, minh bạch.

Trong công tác giải quyết các tranh chấp, Tòa án hai cấp đã có nhiều cố gắng đẩy nhanh tiến độ và chất lượng xét xử ngày càng được nâng cao, số lượng bản án, quyết định bị hủy của năm sau thấp hơn năm trước, không xảy ra tình trạng án quá hạn luật định. Tỷ lệ giải quyết các loại án hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu giao.

- Đối với NBC: Hoạt động của NBC nói chung đã góp phần vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội CTN thể hiện tính dân chủ; đồng thời góp phần bảo vệ và tăng cường pháp chế XHCH.

Số vụ án có NBC tham gia do người bị buộc tội CTN hoặc người đại diện của họ mời ngày càng tăng so với những năm trước đây.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, các vụ án do người bị buộc tội CTN thực hiện có sự tham gia bào chữa của NBC là Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý diễn ra như sau:

Bảng 2.3. Thống kê số người bị buộc tội CTN có Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa

DVT: Người

Các chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Số người bị buộc tội CTN	49	78	59	64	43
Số người bị buộc tội CTN có Luật sư/Trợ giúp viên bào chữa	26	39	32	39	38

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác của ngành Tòa án các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015)

Cùng với sự phát triển về số lượng và chất lượng của đội ngũ Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý trong những năm gần đây, số vụ án có NBC tham gia mặc dù còn là con số khiêm tốn nhưng có xu hướng ngày càng tăng trong những năm gần đây. Cụ thể:

Năm 2011, tổng số VAHS do người CTN thực hiện là 35 vụ, với 49 đối tượng. Trong đó, có 26 trường hợp có Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa, chiếm tỷ lệ 53,1%.

Năm 2012, tổng số VAHS do người CTN thực hiện là 57 vụ, với 78 đối tượng, tăng 22 vụ và 29 người phạm tội so với năm 2011. Trong đó, có 39 người bị buộc tội CTN là có sự tham gia bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, chiếm tỷ lệ 50%.

Các VAHS do người CTN thực hiện trong năm 2013 có xu hướng giảm so với

năm 2012, từ 57 vụ xuống còn 44 vụ, với 59 đối tượng, giảm 13 vụ và 19 người phạm tội. Số trường hợp có Luật sư, Trợ giúp viên tham gia bào chữa là 32 người và chiếm tỷ lệ cao hơn so với hai năm 2011, 2012, đạt 54,2%.

Cũng trong năm 2013, tỉnh Quảng Trị triển khai sâu rộng Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng, cùng với sự thành lập và đi vào hoạt động của Hội đồng tố tụng liên ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp giữa các cơ quan THTT với Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh. Đội ngũ cán bộ của các cơ quan THTT đã nắm rõ các quy định về đối tượng được TGPL, trong đó có đối tượng người CTN. Vì vậy, việc đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN được nâng cao, số trường hợp người CTN phạm tội có sự tham gia của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tăng lên đáng kể.

Năm 2014, tổng số VAHS do người CTN thực hiện là 52 vụ, với 64 đối tượng, tăng 8 vụ và 5 người phạm tội so với năm 2013. Trong đó, có 39 người bị buộc tội CTN là có sự tham gia bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, và chiếm tỷ lệ cao hơn so với hai năm trở lại đây, đạt 60,9%, cao hơn nhiều so với những năm trước đây.

Năm 2015, tổng số VAHS do người CTN thực hiện là 36 vụ, với 43 đối tượng, giảm 16 vụ và 21 người phạm tội so với năm 2014. Trong đó, có 38 người bị buộc tội CTN là có sự tham gia bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, và chiếm tỷ lệ cao hơn so với hai năm trở lại đây, đạt 88,4%, cao hơn nhiều so với những năm trước đây.

Qua thực trạng trên, có thể thấy rằng các vụ, việc có NBC TGTT, cơ bản đã phát huy tốt sự công khai, dân chủ, minh bạch, thấu tình, đạt lý, mang lại nhiều hiệu quả. Những sai sót và những vi phạm quy định tố tụng, áp dụng không đúng các điều luật, quyết định mức án không tương xứng với những hành vi phạm tội... được NBC phát hiện, kịp thời đề nghị những người có trách nhiệm, cơ quan có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung, không để gây ra hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, quá trình công tác điều tra, bắt giam, khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án được

thực hiện đúng pháp luật. Nhiều đề nghị của NBC trong rất nhiều vụ án đã được cơ quan THTT chấp nhận như: đề nghị giảm mức hình phạt, miễn TNHS, miễn chấp hành hình phạt ...

Thực tiễn những năm qua cho thấy, có nhiều vụ án có người CTN phạm tội đưa ra xét xử thu hút mạnh mẽ sự quan tâm đánh giá của dư luận trên địa bàn tỉnh. Trong số các vụ án có NBC tham gia phần lớn đã đạt được những hiệu quả đáng kể ở một mức độ nhất định. Một số trường hợp NBC phát hiện những tình tiết giảm nhẹ chưa được xem xét đánh giá đầy đủ, được HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho người bị buộc tội. Việc NBC tham gia tranh tụng đặc biệt đối với những vụ án mà người bị buộc tội CTN đã giúp cho hoạt động THTT đảm bảo dân chủ hơn và tình trạng oan sai từng bước được khắc phục.

Nhìn chung, các cơ quan và người THTT đã nhận thức đúng đắn và toàn diện về những đặc điểm đặc thù của nhóm chủ thể tội phạm là người CTN. Vì vậy, khi THTT, họ đã thận trọng, vận dụng đúng quy định của pháp luật trong việc áp dụng thủ tục tố tụng đối với từng trường hợp cụ thể. Trong suốt quá trình tố tụng, cơ quan THTT luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để NBC, gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội TGTT để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người CTN.

2.2.2. Những khó khăn vướng mắc

Theo quy định của BLTTHS thì: CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm đảm bảo cho người bị buộc tội thực hiện QBC cho họ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do không có các hướng dẫn cụ thể, cũng như không có cách hiểu thống nhất về quy định này, nên trong thực tiễn giải quyết các VAHS, QBC của người bị buộc tội CTN vẫn chưa hoàn toàn được bảo đảm thực hiện. Những hạn chế trong việc thực hiện QBC thường xuất phát từ nhiều khía cạnh khác nhau:

2.2.2.1. Những bất cập trong quy định của pháp luật

BLTTHS năm 2003 đã có những ghi nhận và bổ sung nhiều quy định tiên bộ về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN nhưng vẫn còn tồn tại những vướng mắc, bất cập nhất định. Mặc dù, Quốc hội đã chính thức thông qua BLTTHS mới, thay thế cho BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, trong những năm qua, do còn tồn tại

những quy định chưa phù hợp nên QBC của người bị buộc tội CTN vẫn chưa thực sự được quan tâm và bảo đảm, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả trong việc thực thi nhiệm vụ chung của TTHS. Nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề này, tác giả nhận thấy những khiếm khuyết trong quy định của BLTTHS 2003 và một số văn bản pháp luật có liên quan để tập trung làm rõ các quy định về QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS. Cụ thể:

Thứ nhất: Một trong những yêu cầu rất quan trọng để đảm bảo giải quyết một cách có hiệu quả các vụ án do người CTN thực hiện đó là: *“Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người CTN”* (khoản 1 Điều 302). Tuy nhiên, Bộ luật lại không bắt buộc họ phải là người được đào tạo hoặc có chuyên môn về tâm lý học, về khoa học giáo dục về người CTN. Chính từ điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng điều tra, truy tố, xét xử đối với người bị buộc tội CTN và dẫn đến sự vi phạm về quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể đặc biệt này. Những người THTT trong các VAHS mà người bị buộc tội CTN thường là kiêm nhiệm. Họ vừa là người giải quyết những vụ án do người thành niên thực hiện vừa giải quyết các vụ án do người CTN thực hiện. Vì vậy, chưa có sự chuyên môn hóa về mặt tổ chức cũng như về nguồn nhân lực và những kỹ năng, nghiệp vụ để giải quyết các vụ án do người CTN thực hiện.

Thứ hai: Việc quy định về quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối NBC bắt buộc theo điểm b khoản 2 Điều 57 BLTTHS còn chưa cụ thể, rõ ràng. Trong trường hợp người bị buộc tội CTN và người đại diện hợp pháp của họ không mời NBC thì các cơ quan THTT vẫn phải yêu cầu Đoàn Luật sư cử NBC cho họ. Người bị buộc tội CTN và người đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối NBC. Thực tế đã xảy ra những trường hợp người bị buộc tội CTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối sự giúp đỡ, hỗ trợ về mặt pháp lý của NBC vì họ không được giải thích về nội dung của QBC, hay về vấn đề thù lao.

Thứ ba: Quy định về việc quyết định xét xử kín đối với bị cáo là người CTN tại khoản 1 Điều 307 BLTTHS cũng chưa rõ ràng. *“Trong trường hợp cần thiết,*

Tòa án có thể quyết định xét xử kín”. Tại Điều 18 quy định “trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật Nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án xét xử kín, nhưng phải tuyên án công khai”. Đối với những vụ án mà bị cáo là người CTN thì ngoài những điều kiện kể trên, tùy thuộc vào nội dung phạm tội mà người CTN đã thực hiện, nếu cần thiết phải giữ bí mật đời tư của người CTN, của gia đình họ, hoặc khi thấy không nên để những người khác biết về diễn biến hành vi phạm tội của họ, hay theo yêu cầu của gia đình, bản thân người CTN... thì Tòa án có thể quyết định việc xử kín để tránh gây ảnh hưởng xấu đối với người CTN. Vì vậy, cần phải quy định cụ thể hơn về những trường hợp Tòa án phải xét xử kín trong những vụ án mà bị cáo là người CTN để tránh tình trạng Tòa án lạm quyền, không tôn trọng các quyền của bị cáo. Đồng thời, cũng không cần thiết phải mở phiên tòa công khai trong tất cả những vụ án có bị cáo là người CTN tham gia. Vì nếu đưa bị cáo là người CTN ra xét xử trước chỗ đông người tham dự sẽ rất dễ để lại dấu ấn tâm lý tiêu cực cho người CTN.

Nghiên cứu pháp luật một số nước cho thấy, hình thức xét xử kín cũng được áp dụng nhiều trong những vụ án mà bị cáo là người CTN. Theo Điều 111 BLTTHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: *“không xử công khai các vụ án nếu người phạm tội từ đủ 14 đến 16 tuổi. Nhìn chung cũng không xử công khai các vụ án đối với người phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Phải tuyên bố trước Tòa lý do không xử các vụ án công khai”*; Còn ở Thái Lan, Điều 54 Luật Tổ chức Tòa án người CTN và gia đình Thái Lan 1991 ghi nhận *“phiên tòa xét xử các vụ án người CTN đều phải được xử kín”*. Có thể nói hầu như các văn bản pháp luật của các nước đều tôn trọng và thực hiện quy tắc của Liên hợp quốc: *“Các thủ tục tố tụng phải nhằm đảm bảo những lợi ích tốt nhất của trẻ em và phải được tiến hành trong bầu không khí hiểu biết cho phép trẻ em tham gia vào và tự do bày tỏ ý kiến”* [17].

Thứ Tư: Quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận NBC. Việc TGTT của NBC không chỉ bảo đảm tốt hơn QBC của bị can, bị cáo, các đương sự khác mà còn giúp các cơ quan THTT phát hiện, sửa chữa những thiếu sót, làm rõ sự thật khách quan,

xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy vậy, hoạt động TGTT của NBC còn bị hạn chế ở một số giai đoạn, nhất là giai đoạn điều tra... Trong đó, giấy chứng nhận NBC được coi là một rào cản TGTT của NBC. Việc cấp giấy chứng nhận NBC trong trường hợp tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo là 3 ngày, đối với trường hợp bào chữa cho người bị tạm giữ là trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị của NBC kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do (khoản 4 Điều 56 BLTTHS). Tuy nhiên, trên thực tế việc cấp giấy chứng nhận NBC không bao giờ bảo đảm đúng thời hạn luật định. Qua nghiên cứu và khảo sát lấy ý kiến của nhiều NBC trên địa bàn thì nhiều ý kiến của NBC cho rằng NBC thường gặp khó khăn trong việc xin cấp giấy chứng nhận NBC trong giai đoạn điều tra.

2.2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc từ phía người bào chữa

Nhìn chung, khi TGTT, đại đa số NBC (chủ yếu là Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý) đã tích cực sử dụng những biện pháp được pháp luật quy định để bào chữa cho người bị buộc tội CTN nhưng cũng không ít NBC chỉ thực hiện nhiệm vụ của mình một cách hình thức, qua loa, không mang lại hiệu quả tích cực. Cụ thể:

- Khi tiếp nhận bào chữa cho người bị buộc tội CTN, NBC phải đầu tư thời gian nghiên cứu các nội dung tình tiết vụ án để thực hiện nhiệm vụ bào chữa một cách tốt nhất. Tuy nhiên, một số NBC nhận bào chữa cho nhiều vụ án trong cùng một thời điểm cho nên việc chuẩn bị luận cứ bào chữa có phần sơ sài, không đảm bảo chất lượng.

- Khi tham gia phiên tòa xét xử, một số NBC chỉ bào chữa qua loa, máy móc, rập khuôn theo bản luận cứ đã chuẩn bị sẵn chứ không dựa vào những tình tiết gỡ tội cho người bị buộc tội CTN mới thu được ở phiên tòa. Cũng có trường hợp NBC thực hiện bào chữa bằng cách chỉ mượn cáo trạng của Viện kiểm sát đọc qua rồi nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, miễn sao phiên tòa có mặt NBC để đảm bảo không vi phạm thủ tục tố tụng là được.

- Trong thực tế cũng có không ít các trường hợp NBC năng lực kém, không chịu đầu tư công sức vào việc nghiên cứu, tìm kiếm, điều tra thu thập những tình

tiết để chứng minh mà chỉ chú tâm đưa những tình tiết giảm nhẹ như hoàn cảnh gia đình, nhân thân người bị buộc tội CTN để bào chữa theo dạng “năn nỉ” rất thiếu hiệu quả. Nhiều NBC còn thiếu trách nhiệm trong công việc, đặc biệt là bào chữa chỉ định, họ thường thực hiện việc bào chữa một cách rất hình thức. Có những trường hợp do không hiểu thấu đáo quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định nên đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi làm nhiệm vụ bào chữa. Có trường hợp NBC không làm sáng tỏ được những tình tiết gỡ tội hoặc giảm nhẹ TNHS cho bị can, bị cáo mà lại vô tình buộc tội bị can, bị cáo.

- Một vài trường hợp NBC chỉ định không đến tham dự phiên tòa mà chỉ gửi bản luận cứ bào chữa dẫn đến khó khăn cho hoạt động xét xử và tốn kém cho Nhà nước (do phải hoãn phiên tòa xét xử theo quy định BLTTHS là trong trường hợp bắt buộc phải có NBC theo quy định thì HĐXX phải hoãn phiên tòa).

- Trong hoạt động bào chữa, một số NBC có kỹ năng nghề nghiệp còn non kém, thiếu kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ yếu cho nên tại phiên tòa còn phát biểu chung chung, không đi sâu vào việc phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ có lợi cho người bị buộc tội CTN. Thậm chí, một số trường hợp NBC đề nghị áp dụng mức hình phạt trái với quy định của pháp luật như: theo quy định của BLHS 1999 thì hình phạt tù có thời hạn đối với người phạm tội có mức tối thiểu là 03 tháng, tuy nhiên khi đề xuất HĐXX quyết định hình phạt, NBC lại đề nghị áp dụng 02 tháng tù. Mặt khác, do không nắm rõ về tính chất, mức độ nặng nhẹ của hình phạt nên thực tế đã xảy ra trường hợp Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng NBC lại đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Điều này đã phản ánh một cách rõ nét về chất lượng của hoạt động bào chữa vẫn chưa thực sự đạt hiệu quả cao, gây mất niềm tin của người bị buộc tội CTN.

- Vai trò, nhiệm vụ đặc trưng của NBC không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội trên cơ sở của pháp luật mà còn phải bảo vệ pháp luật. Hai nhiệm vụ này luôn gắn liền và không được tách rời nhau. Thế nhưng, một bộ phận NBC vẫn chưa nhận thức một cách đầy đủ và nghiêm túc về vấn đề này.

Do vậy, họ đã cố tình bào chữa không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, trái với quy định của pháp luật. Có những vụ án đã có đủ chứng cứ buộc tội và bản thân bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng NBC vẫn cố cãi bị cáo không có tội, cố tình đổi trắng thay đen. Do sự non kém về nghiệp vụ nên đã có những bài bào chữa không những thiếu tính thuyết phục mà còn gây bất lợi cho bị cáo, gây mất lòng tin của HĐXX và không được những người tham dự phiên tòa ủng hộ.

- Đôi khi, có những NBC vì muốn giảm nhẹ TNHS cho người bị buộc tội CTN mà đã sử dụng các biện pháp trái với quy định của pháp luật. Thay vì động viên người bị buộc tội thành khẩn khai báo để cơ quan THTT nhanh chóng làm rõ sự thật của vụ án và người bị buộc tội CTN được giảm nhẹ TNHS thì NBC lại nói chuyện với họ bằng cách úp mở hướng lách luật nên người bị buộc tội CTN biết được biện pháp để tránh tội. Điều tra viên đôi khi cũng gặp khó khăn trong việc người bị buộc tội CTN và NBC trao đổi với nhau rồi phản cung. Có trường hợp, trong quá trình điều tra, truy tố người bị buộc tội CTN đã nhận tội. Tuy nhiên, sau khi tiếp xúc với Luật sư, tại phiên tòa xét xử lại phản cung và cho rằng mình bị bức cung trong khi chứng cứ đã đầy đủ và cơ quan THTT cũng đưa ra được các căn cứ chứng minh là có tội. Điều này không những ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật mà còn gây bất lợi cho bị cáo khi HĐXX quyết định áp dụng hình phạt.

- Nguồn nhân lực NBC còn nhiều hạn chế. Tính đến thời điểm hiện tại, Quảng Trị có 13 Luật sư đang hoạt động hành nghề trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, phần lớn đều đã lớn tuổi, hơn 70% trong số đó đều ở độ tuổi trên 50. Tuy có nhiều kinh nghiệm chuyên môn nhưng vấn đề tuổi tác không còn trẻ cũng phần nào khiến cho họ thiếu đi phần năng động.

2.2.2.3. Những khó khăn, vướng mắc từ phía các Cơ quan Tiến hành tố tụng

Qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy cơ quan THTT cũng đã tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi nhất định để NBC thực hiện nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, đôi khi vẫn không tránh khỏi những tồn tại, hạn chế. Những hạn chế trong việc thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN không chỉ xuất phát từ phía

NBC mà còn xuất phát từ phía cơ quan THTT. Cụ thể:

- Theo quy của BLTTHS thì NBC TGTT từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp người CTN có hành vi phạm tội bị bắt khẩn cấp hoặc bắt trong trường hợp phạm tội quả tang thì NBC TGTT từ khi có quyết định tạm giữ. Nhưng thực tế việc TGTT của NBC sau khi có quyết định khởi tố người bị buộc tội còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều trường hợp sau khi ra quyết định khởi tố bị can, CQĐT không giao quyết định này và cũng không giải thích cho người bị buộc tội biết rõ về QBC mà tiến hành khám, xét hỏi ngay. Hoặc khi họ yêu cầu nhờ NBC thì được khuyên là “không cần” hoặc “không nên”. Có trường hợp người bị buộc tội từ chối NBC là do họ nghĩ mình không có đủ tiền để chi trả cho việc mời NBC.

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận NBC theo quy định của BLTTHS năm 2003 cũng như việc NBC được có mặt khi lấy lời khai của người bị buộc tội theo quy định pháp luật còn nhiều bất cập, đa số những trường hợp NBC xin cấp giấy chứng nhận NBC từ khi khởi tố bị can bị CQĐT từ chối. Hình thức mà CQĐT hay áp dụng để từ chối thường là mỗi khi NBC liên hệ thì trả lời rằng Điều tra viên thụ lý vụ án đó đi vắng. Hoặc một số trường hợp NBC chỉ được gặp người bị buộc tội CTN khi CQĐT đã làm bản kết luận điều tra hoặc vào buổi kết cung tức là buổi hỏi cung sau cùng để cho bị can xác nhận những lời khai trước đó.

Mặc dù BLTTHS đã quy định rất cụ thể nhưng trên thực tế một số trường hợp người bị buộc tội CTN không được CQĐT yêu cầu Trung tâm TGPL hoặc Đoàn Luật sư cử NBC cho họ từ khi khởi tố bị can. Như vậy, NBC không có cơ hội để có mặt khi hỏi cung bị can và có mặt trong các hoạt động điều tra khác. Đối với các trường hợp bắt buộc phải có NBC thì CQĐT phải chủ động thực hiện, đây là vấn đề bắt buộc. Nếu không thực hiện thì biên bản hỏi cung sẽ không có giá trị pháp luật. Thế nhưng trong thực tế NBC vẫn còn gặp những trở ngại nhất định. Có trường hợp trong giai đoạn điều tra, người bị buộc tội CTN không được CQĐT yêu cầu cử NBC đến khi chuyển sang giai đoạn xét xử, Thẩm phán phát hiện người bị buộc tội là người CTN và cần có thủ tục chỉ định NBC cho người bị buộc tội. Khi đó, người bị buộc tội CTN mới được yêu cầu cử NBC. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến QBC

của người bị buộc tội CTN.

- Cũng theo quy định của BLTTHS thì NBC có quyền đề nghị cơ quan THTT thông báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để NBC chủ động có mặt. Nhưng trên thực tế cho thấy không phải cuộc hỏi cung nào NBC cũng được có mặt. Bởi lẽ, nhiều trường hợp Điều tra viên không muốn NBC tham dự khi hỏi cung bị can. Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy chế nào buộc Điều tra viên phải thông báo thời gian lấy lời khai bị can cho NBC. Vì vậy mà quyền này của NBC ít khi được thực hiện, QBC của người bị buộc tội CTN chưa được đảm bảo thực hiện một cách tối ưu nhất. Một số trường hợp CQĐT cũng thông báo về thời gian, địa điểm hỏi cung cho NBC nhưng “lách luật” và đợi đến sát giờ hỏi cung mới thông báo cho NBC. Vì vậy, đôi khi NBC không thể đến sắp xếp được công việc để tham gia hỏi cung.

- Hiện vẫn còn nhiều Điều tra viên nhận thức rằng sự tham gia của NBC sẽ gây khó khăn cho họ trong quá trình điều tra. Trình độ của nhiều Điều tra viên vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc nên họ càng “sợ” sự có mặt của NBC.

Một số vụ án khi hồ sơ chuyển sang Tòa án, Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ để xét xử mới phát hiện ra bị cáo là người CTN phạm tội và làm công văn yêu cầu Luật sư bào chữa có khi chỉ cách thời điểm xét xử vài ngày. Những trường hợp trên không chỉ hạn chế QBC của người bị buộc tội CTN, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà còn gây khó khăn cho NBC trong việc tiếp cận nội dung vụ án, không thể nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện, gây ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả và chất lượng bào chữa.

- Vai trò của NBC tại phiên tòa xét xử còn nhiều hạn chế nhất định vì nhiều lý do khác nhau. HĐXX thường chú ý đến các chứng cứ do Viện kiểm sát đưa ra hơn là chứng cứ do NBC đưa ra. Có trường hợp Thẩm phán xem NBC như “một sự trang trí” tại phiên tòa, sự tham gia của họ chỉ là để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật chứ không phải để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo.

Tại phiên tòa, một số chủ tọa phiên tòa dành nhiều thời gian cho phần xét hỏi

chứ chưa quan tâm tới việc tranh luận. Một số Thẩm phán vì muốn xử cho gọn, cho nhanh chứ không muốn tranh cãi nhiều và lật lại chứng cứ mà NBC có thể bị chủ tọa hạn chế thời gian phát biểu. Bản chất của tranh tụng cũng chưa được thực hiện triệt để, HĐXX nghiêng nhiều về phía Viện kiểm sát, không bắt Viện kiểm sát phải đối đáp đầy đủ theo pháp luật. Thậm chí tại một số phiên tòa tranh tụng còn bị phớt lờ, bỏ qua. Đôi khi vai trò, vị trí của NBC tại phiên tòa chỉ là cái “bánh xe thứ năm”, không có thì hình như thiếu mà có thì thừa..

2.2.2.4. Những khó khăn, vướng mắc từ phía người bị buộc tội chưa thành niên

Bên cạnh những yếu tố tác động xuất phát từ phía các cơ quan THTT, người THTT và NBC thì bản thân những người bị buộc tội CTN cũng là nhân tố gây ảnh hưởng đến việc đảm bảo QBC một cách trọn vẹn:

- Người bị buộc tội CTN còn thiếu tính chủ động trong việc bào chữa và nhờ người khác bào chữa. Khi bị rơi vào vòng lao lý, họ thường phó mặc cho các cơ quan THTT quyết định số phận của mình. Trong một số trường hợp, Điều tra viên không có giải thích hoặc giải thích không đầy đủ về quyền được có Luật sư bào chữa thì những đối tượng có hoàn cảnh gia đình khó khăn sẽ rất dễ từ chối NBC vì họ không có điều kiện để trả thù lao. Một số khác không biết việc mình có quyền nhờ NBC ngay từ khi họ bị khởi tố mà họ nhầm lẫn rằng khi ra tòa mới được mời NBC. Đây cũng là một trong những nhân tố gây hạn chế đối với QBC.

- Người CTN với những khuyết điểm về tâm sinh lý và tâm lý hoang mang, lo sợ, thiếu hiểu biết về pháp luật cũng như kỹ năng bào chữa nên hầu hết các trường hợp tự bào chữa đều cho thấy chất lượng không cao. Tuy nhiên, một số trường hợp do bị tác động tiêu cực từ các yếu tố bên ngoài nên khi có NBC tham gia thì thường có tâm lý che giấu tội lỗi nhằm chạy tội và giảm nhẹ hình phạt. Trong khi đó, CQĐT lại chưa kịp xác minh, củng cố chứng cứ nên rất khó đấu tranh làm rõ sự thật vụ án.

- Hiện nay, người dân chưa hiểu hoặc hiểu không đúng vị trí, vai trò, ý nghĩa của TGPL trong hoạt động tố tụng. Vì vậy, một số trường hợp đối tượng người bị buộc tội CTN thuộc diện được TGPL đã được Trung tâm cử Luật sư Cộng tác

viên, Trợ giúp viên pháp lý TGGT nhưng lại từ chối tiếp tục được TGPL. Chính sự hiểu biết về TGPL còn hạn chế nên QBC của người bị buộc tội CTN không được đảm bảo.

- Trong giai đoạn xét xử, đối với những trường hợp người bị buộc tội CTN tự bào chữa thì chất lượng luôn thấp hơn rất nhiều so với các vụ án có sự tham gia của NBC. Bởi lẽ, khi tự bào chữa thì người bị buộc tội CTN và người đại diện hợp pháp của họ chỉ dừng lại ở việc ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo và yêu cầu nhận được sự khoan hồng của pháp luật chứ không thể tạo ra thế đối trọng tranh luận trực diện với Viện kiểm sát được nên rất thiệt thòi cho người bị buộc tội CTN.

2.3. Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên tại địa bàn tỉnh Quảng Trị

2.3.1. Thực tiễn bảo đảm về mặt pháp lý

Trong Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đều quy định các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành hoạt động tố tụng phải đảm bảo: Mọi hành vi phạm tội được điều tra, xử lý kịp thời, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội, không để một người nào bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật. Đồng thời, việc điều tra, xét xử phải được tiến hành khách quan, đúng pháp luật. Những vi phạm trong quá trình tố tụng phải được phát hiện, khắc phục kịp thời và xử lý nghiêm minh. Việc truy cứu TNHS của một người phải có đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

Người bị buộc tội CTN luôn là đối tượng yếu thế và cần có sự quan tâm đặc biệt. Vì vậy, việc đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN phải luôn được quan tâm, chú trọng. Để QBC được thực thi và đạt hiệu quả tối ưu nhất thì đòi hỏi phải có sự tham gia của những NBC am hiểu pháp luật, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó góp phần làm sáng tỏ những tình tiết gỡ tội, giảm nhẹ TNHS cho người bị buộc tội.

NBC sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho người bị buộc tội CTN hoặc bác bỏ các luận điểm

buộc tội, Để việc bào chữa của mình đạt hiệu quả cao, NBC cần tiến hành thu thập thêm các tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án và giao cho cơ quan THTT. Tuy nhiên, trong thực tế thì việc NBC tự mình thu thập thêm chứng cứ rất ít khi được thực hiện. Hoạt động bào chữa vẫn chủ yếu dừng lại ở phối hợp tham gia lấy lời khai, xem xét các nguồn chứng cứ do cơ quan THTT thu thập, tư vấn pháp luật để người bị buộc tội nhận thức được sai lầm và tìm những tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người bị buộc tội CTN.

Trong thời gian qua, hoạt động bào chữa đối với người bị buộc tội CTN trên địa bàn tỉnh đã được NBC thực hiện đúng, đảm bảo yêu cầu, góp phần cùng với cơ quan THTT xác định sự thật vụ án. Tuy nhiên, cũng còn không ít trường hợp, NBC khi thực hiện bào chữa đã chưa làm sáng tỏ những tình tiết gỡ tội hoặc tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người bị buộc tội, một số ít trường hợp bào chữa chưa thật sự đạt chất lượng tốt.

Một trong những yếu tố pháp lý đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN hiện nay là: nếu xét thấy cần thiết, NBC có thể yêu cầu cơ quan THTT phân công Hội thẩm nhân dân là nhà giáo hoặc cán bộ Đoàn thanh niên tham gia vào HĐXX. Trong thực tế quy định này luôn được đảm bảo thực hiện và ngay cả các vụ án có người bị hại là người CTN thì Tòa án cũng tạo điều kiện để thành phần HĐXX có Hội thẩm nhân dân đã là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên cho dù NBC có yêu cầu hay không. Để tránh những ảnh hưởng tiêu cực của dư luận xã hội đối với người bị buộc tội CTN hoặc là người bị hại CTN, cũng như tạo điều kiện cho người CTN bình tĩnh, khai báo khách quan, trung thực, nếu có yêu cầu của gia đình hoặc NBC thì Tòa án quyết định xử kín. Việc quyết định xử kín sẽ được nêu trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Một số trường hợp, trước giờ đưa vụ án ra xét xử gia đình hoặc NBC mới đưa ra yêu cầu xử kín thì Tòa án vẫn xem tôn trọng và xét chấp nhận để bảo vệ tinh thần cho người CTN.

Với mục đích bảo đảm các quy định về QBC của người bị buộc tội CTN được thực thi hiệu quả trong thực tế, hàng năm các cơ quan THTT trên địa bàn tỉnh thường xuyên triển khai tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, củng cố kiến thức,

hướng dẫn pháp luật cho các cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Trong những năm qua Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Quảng Trị đã tổ chức trên 30 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ TGPL cho hơn 1000 lượt trợ giúp viên, công tác viên TGPL. Các hội nghị tập huấn đã kịp thời cập nhật văn bản và trang bị kỹ năng nghiệp vụ TGPL cho cán bộ làm công tác TGPL, hướng tới mục tiêu đảm bảo cung cấp cho người được TGPL một dịch vụ pháp lý đạt chất lượng.

Năm, 2013, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành thành lập Hội đồng tổ tụng liên ngành. Từ đó đã tạo được mối liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án, Trung tâm TGPL. Đồng thời Hội đồng cũng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo CQĐT, trại tạm giam, nhà tạm giữ niêm yết Bảng thông tin về TGPL và đặt hộp thông tin TGPL tại trụ sở cơ quan, đơn vị; Niêm yết tờ thông tin TGPL và đặt hộp thông tin TGPL trong buồng tạm giam, giam giữ và nơi sinh hoạt chung của người bị tạm giam, tạm giữ. Bên cạnh đó, Trung tâm TGPL, Chi nhánh của Trung tâm TGPL thường xuyên phối hợp thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền và hướng dẫn về TGPL.

Việc triển khai sâu rộng Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT- BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC đã tạo điều kiện thuận lợi cho công việc phối hợp giữa các cơ quan THTT với Trung tâm TGPL. Đội ngũ cán bộ tham gia công tác tổ tụng nắm rõ quy định về đối tượng được TGPL, trong đó bao gồm cả đối tượng người CTN, các hình thức TGPL giúp đối tượng TGPL được tư vấn, hỗ trợ ngay tại các cơ quan THTT.

2.3.2. Thực tiễn bảo đảm về mặt tổ chức và cơ chế thực hiện

2.3.2.1. Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước

Cơ cấu tổ chức hiện nay của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Quảng Trị gồm: 17 công chức, viên chức. Với 03 phòng chuyên môn: Hành chính - tổng hợp, Nghiệp vụ Hình sự - Hành chính và Nghiệp vụ Dân sự - Đất đai. Ngoài ra Trung tâm có 02 Chi nhánh đặt tại 02 huyện Hướng Hóa và ĐaKông. Tính đến thời điểm hiện tại, Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Quảng Trị có 08 Trợ giúp viên pháp lý, tất cả đều đạt trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm công tác trong ngành TGPL

tối thiểu 04 năm. Ngoài ra, trung tâm có 05 chuyên viên pháp lý, 04 người trong số đó đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ Luật sư và là nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý trong tương lai.

Hiện nay, chỉ có 05 Luật sư đăng ký tham gia làm cộng tác viên của Trung tâm. Qua đó, thấy rằng đội ngũ Luật sư tham gia với vai trò cộng tác viên còn khá mỏng.

Trong giai đoạn 2011-2015, Trung tâm TGPL đã thực hiện nhiều đợt TGPL lưu động cũng như tư vấn pháp luật tại trụ sở cho 13.048 đối tượng và nhân dân trên địa bàn. Thực hiện TGTT 345 vụ; trong đó hoạt động bào chữa 327 vụ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 18 vụ. Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh đã thực hiện cử Luật sư cộng tác viên và Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa, bảo vệ cho 150 đối tượng là người CTN. Trong đó, tham gia bào chữa 145 vụ (chiếm 96,7% trong tổng số vụ TGTT), bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 5 đối tượng là người CTN (chiếm 3,3%). Trợ giúp viên pháp lý thực hiện bào chữa, bảo vệ cho 125 đối tượng người CTN (chiếm 83,3%); 25 vụ do cộng tác viên là Luật sư thực hiện (chiếm 16,7%);

Để đánh giá mặt hiệu quả hoạt động tổ tụng, Trung tâm TGPL luôn tiến hành kiểm tra và thẩm định tất cả hồ sơ TGTT, đồng thời thực hiện kiểm tra chéo các hồ sơ vụ việc. Nhìn chung, chất lượng các vụ, việc TGTT đều đạt tiêu chuẩn, thể hiện sự tích cực, nhiệt tình và có trách nhiệm của các Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên là Luật sư, nhiều vụ, việc đã đạt kết quả rất tốt, phần lớn quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư đều được HĐXX quan tâm xem xét, chấp nhận, từ đó các mức án áp dụng phù, QBC của người bị buộc tội CTN được đảm bảo.

2.3.2.2. Tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị

Đoàn Luật sư tỉnh Quảng trị được thành lập từ năm 1990 với số lượng 03 Luật sư. Từ sau khi được thành lập đến nay, Đoàn đã kết nạp 20 Luật sư, nhưng do đội ngũ Luật sư thường xuyên biến động, nên hiện nay Đoàn Luật sư Quảng Trị chỉ còn 13 Luật sư. Trong đó, số Luật sư cao tuổi chiếm tỷ lệ gần 70%, phần lớn là cán bộ trong ngành tư pháp đã nghỉ hưu. Chất lượng đội ngũ Luật sư từng bước được nâng

lên, đại đa số các Luật sư có phẩm chất chính trị, trung thành với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc, có ý thức phấn đấu đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh, giữ vững những quy tắc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Luật sư. Hàng năm, Đoàn Luật sư tỉnh thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về kỹ năng hành nghề Luật sư theo quy định của Luật Luật sư; cử Luật sư tham gia nhiều chương trình hội thảo quốc tế và trong nước do Bộ Tư pháp, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Liên đoàn Luật sư Việt Nam tổ chức, giúp các Luật sư tiếp cận nhiều thông tin, nâng cao chất lượng hoạt động.

So với đội ngũ Luật sư cả nước thì số lượng phát triển Luật sư của tỉnh Quảng Trị còn quá thấp, nếu tính tỷ lệ Luật sư trên đầu dân số của tỉnh thì 1 Luật sư/50.000 dân nên khó có thể đáp ứng nhu cầu về dịch vụ pháp lý của xã hội, đòi hỏi cần phải có những giải pháp tích cực hơn nữa để phát triển đội ngũ Luật sư của tỉnh đạt được số lượng và chất lượng như đề án của UBND tỉnh đề ra. Các tổ chức hành nghề Luật sư đã từng bước mở ra những loại hình hoạt động dịch vụ pháp lý đa dạng, giải quyết một phần về nhu cầu cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân. Về số lượng các tổ chức hành nghề Luật sư, đến nay, có 1 Công ty Luật, 1 Chi nhánh và 3 Văn phòng Luật sư.

Theo báo cáo Đoàn Luật sư Quảng Trị; Từ năm 2006 đến năm 2015, các tổ chức hành nghề đã tham gia 978 vụ bào chữa cho người bị buộc tội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong và ngoài địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trong đó, 506 VAHS, với 117 vụ Luật sư bào chữa theo chỉ định của cơ quan tố tụng; tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự trong các vụ tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại, lao động... tư vấn pháp lý cho hơn 800 khách hàng, trong đó TGPL miễn phí cho hơn 300 khách hàng; hợp đồng tư vấn dài hạn cho 10 cơ quan, đơn vị... tích cực bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và cung cấp các dịch vụ pháp lý cho tổ chức, cá nhân.

Nhìn chung, phần lớn Luật sư khi TGTT đều thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Chất lượng hoạt động tranh tụng của Luật sư đã được nâng cao, từng bước theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Nhiều Luật

sư đã đầu tư thu thập chứng cứ, chỉ ra được những mâu thuẫn, bất hợp lý trong việc kết luận, đánh giá chứng cứ trước khi mở phiên tòa; đã cung cấp những chứng cứ mới, có được những lập luận chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi cho thân chủ một cách tối ưu nhất.

2.3.2.3. Hoạt động phối hợp liên ngành

Trong những năm qua, công tác phối hợp giữa các cơ quan THTT chưa thực sự chặt chẽ. Đôi khi, trong một số vụ việc còn có nhiều quan điểm trái chiều, không thống nhất được dẫn đến quá trình giải quyết vụ án kéo dài, hồ sơ vụ án bị trả đi trả lại nhiều lần. Từ khi Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 ra đời, là cơ sở để tỉnh Quảng Trị thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành gồm: Tòa án nhân dân, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân, Trung tâm TGPL Nhà nước nhằm phối hợp giải quyết các VAHS, hợp tác trong lĩnh vực TTHS và điều tra vụ án... góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu của một số quy định pháp luật về TGPL trong hoạt động tố tụng.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành TGPL tại Quyết định số 03/QĐ-HĐPH ngày 20/3/2014 nên hoạt động Hội đồng phối hợp liên ngành đã ổn định và từng bước phát huy vai trò trong công tác tố tụng, tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư công tác viên, Trợ giúp viên pháp lý trong việc tham gia vụ án, nghiên cứu hồ sơ, TGTT tại phiên tòa.

Nhằm bảo đảm chất lượng công tác, hàng năm Hội đồng phối hợp liên ngành TGPL tiến hành kiểm tra các CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án trên địa bàn để đảm bảo hoạt động TGTT thống nhất và có sự phối hợp chặt chẽ. Các đối tượng thuộc diện được TGPL bao gồm cả người CTN đều được các Điều tra viên, Kiểm sát viên giải thích về quyền được TGPL miễn phí, cung cấp mẫu đơn, phương thức liên lạc với Trung tâm TGPL. Các cơ quan THTT đều thực hiện tốt công tác đặt Bảng thông tin về TGPL, niêm yết thông tin về TGPL ngay trong buồng tạm giam, tạm giữ và nơi sinh hoạt chung để người bị tạm giữ, bị can biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình và những thông tin cần thiết khi có nhu cầu được TGPL. Đảm bảo QBC cho

đối tượng được TGPL nói chung và người CTN nói riêng.

2.3.3. Thực tiễn bảo đảm về mặt nhận thức

Cơ quan THTT, người THTT là những chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, làm sáng tỏ các yếu tố của đối tượng chứng minh và tiến hành giải quyết vụ án trong phạm vi quyền hạn của mình. Nhận thức một cách đầy đủ việc bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội sẽ giúp giải quyết vụ án khách quan, toàn diện hơn, tạo cơ sở đảm bảo cho các ý kiến phát biểu của NBC được tôn trọng - thể hiện qua nội dung bản án, quyết định của Tòa án. Đảm bảo hiệu quả TGTT của NBC và cơ chế bảo đảm cho họ thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần CCTP. Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao phó thực hiện.

Nhìn chung, trong thời gian qua, các cơ quan THTT, người THTT đã nhận thức một cách đầy đủ về nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của QBC đối với người bị buộc tội CTN. Do đó, quyền có NBC luôn được bảo đảm theo quy định, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để quyền này được thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên, không phải tất cả người THTT đều nhận thức đúng vấn đề này, một số người còn hiểu biết khá mơ hồ về quyền có NBC, né tránh hoặc thực hiện không nghiêm túc nghĩa vụ giải thích cho người bị buộc tội CTN hiểu rõ QBC. Vì vậy, cần nâng cao năng lực chuyên môn cũng như ý thức nghiêm túc và đúng đắn vấn đề này.

Tuyên truyền pháp luật là phương pháp hiệu quả nhằm nâng cao hiểu biết của người dân nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng về kiến thức pháp luật, nắm bắt được sự TGTT của NBC là điều cần thiết. Việc nhận thức không đúng về vai trò và vị trí của NBC vô hình chung đã tạo ra rào cản cho sự tham gia của NBC, trong khi bản thân người bị buộc tội CTN và người đại diện hợp pháp của họ lại không có khả năng bào chữa hiệu quả. Việc NBC TGTT để bảo vệ cho người bị buộc tội phụ thuộc rất nhiều vào ý chí chủ quan của họ. Do vậy, việc thay đổi nhận thức về vai trò của NBC là cách tốt nhất để trang bị cho người bị buộc tội CTN những phương tiện, biện pháp hữu hiệu giúp họ bảo vệ quyền lợi của mình. Đảm bảo được QBC.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở những vấn đề lý luận về bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN theo pháp luật TTHS Việt Nam, trong chương 2 Luận văn đã tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn như: Khái quát tình hình người CTN phạm tội tại địa bàn tỉnh Quảng Trị; Đánh giá tình hình thực hiện QBC và thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN. Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy, hoạt động bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cũng đã đạt được những kết quả tích cực, đáng khích lệ về mặt tổ chức, cơ chế thực hiện và nhận thức của các chủ thể liên quan. Tuy nhiên, thực tế vẫn không tránh khỏi những tồn tại, bất cập cần có hướng khắc phục trong giai đoạn tiếp theo. Những đánh giá về tình hình thực tiễn trong chương này sẽ là căn cứ quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN

BÀO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI CHƯA THÀNH NIÊN

TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

3.1. Quan điểm chung về tăng cường bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên trong Tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay

3.1.1. Nhu cầu tăng cường bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên trong Tố tụng hình sự

Trong những năm qua, bảo đảm QBC của người bị buộc tội đã có nhiều chuyển biến tích cực. Cơ chế hoạt động, phối hợp của các cơ quan THTT ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước củng cố, kiện toàn. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử được cải thiện. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới và đất nước có những thay đổi nhanh chóng, đặt ra yêu cầu bức thiết phải đổi mới, nâng cao chất lượng bảo đảm QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng.

Điều 2 Hiến pháp 2013 đã khẳng định: “*Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”. Nhà nước pháp quyền hiện nay là nấc thang phát triển cao nhất của tự do và là sự phản ánh của tự do trong các văn bản pháp lý. “*Nhà nước pháp quyền là hình thức hạn chế quyền lực bằng tự do và QCN*” [11]. Tự do và quyền của cá nhân là đối trọng quan trọng của quyền lực Nhà nước. Căn cứ vào những đặc trưng đó của Nhà nước pháp quyền, có thể thấy nhiệm vụ cấp bách hàng đầu hiện nay là phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật nghiêm minh. Do đó, yêu cầu “*cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp*” [12, tr. 90] là một trong những đòi hỏi bức thiết hiện nay.

Ngày 02/06/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đồng thời, tỉnh Quảng Trị cũng đã xây dựng Chương trình số 06-CTr/TU ngày 06/4/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về

thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW với mục tiêu: "*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc Việt Nam XHCN*". Riêng về lĩnh vực TTHS, CCTP đã xác định hoạt động xét xử là trọng tâm, Tòa án có vị trí trung tâm, do vậy cải cách Tòa án là khâu đột phá. Những yêu cầu của CCTP trong lĩnh vực TTHS là đấu tranh phòng chống tội phạm hiệu quả hơn và bảo đảm QCN của những người TGTT đầy đủ hơn. Hai yêu cầu này xuất phát từ chính nhiệm vụ của TTHS và có mối quan hệ biện chứng với nhau. Thực hiện dân chủ - mở rộng và tôn trọng QCN của các chủ thể tham gia hoạt động TTHS là yêu cầu khách quan của CCTP. Dân chủ là mục đích, động lực và là phương thức thực hiện TTHS. Nhiệm vụ của TTHS là phát hiện xử lý kịp thời mọi hành vi tội phạm và người phạm tội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, xã hội và công dân. Dân chủ là giá trị xã hội lớn nhất mà TTHS nước ta có nhiệm vụ bảo vệ. Hoạt động TTHS của một Nhà nước pháp quyền không chỉ hướng tới việc bảo vệ quyền của những người là nạn nhân bị xâm hại mà còn bảo vệ quyền của tất cả công dân bị lôi cuốn vào hoạt động TTHS nhằm chống lại sự lạm quyền từ phía các cơ quan THTT.

Thực tiễn TTHS Việt Nam những năm qua cho thấy, kể từ khi Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị được ban hành, vấn đề bảo đảm QCN được mở rộng và coi trọng hơn so với trước đây. Các Nghị quyết của Đảng đã từng bước đi vào cuộc sống. Tuy kết quả bước đầu của CCTP còn khiêm tốn, nhưng đó là những yếu tố có ý nghĩa quan trọng để tiến hành những bước cải cách tiếp theo.

Với quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em, Nhà nước ta luôn chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ em, đặc biệt là những đối tượng trẻ em vi phạm pháp luật, người CTN phạm tội. Chính sách hình sự của Nhà nước đối với người CTN là giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để họ nhận ra sai lầm và từ đó khắc phục, sửa chữa, tạo điều kiện để các em có khả năng tái hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội. Xác định người CTN là người chưa phát triển hoàn thiện về tâm sinh lý, thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ

vào các hoạt động phạm tội. Do vậy, BLTTHS đã dành hẳn một chương riêng quy định cụ thể trình tự, thủ tục tố tụng đối với những vụ án mà người bị buộc tội CTN nhằm bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử khách quan, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người CTN. Tư tưởng này là thống nhất với quy định trong Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1953 và CUQT về Quyền trẻ em 1989: *“Trẻ em, do còn non nớt về thể chất và trí tuệ cần được bảo vệ, chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời”*.

Bên cạnh đó, đất nước ta đang từng ngày phát triển. Việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là bước ngoặt trong quá trình hội nhập sâu vào quan hệ quốc tế. Đồng thời, việc tham gia ký kết các CUQT, đặc biệt là Công ước về quyền trẻ em, cũng như các Điều ước quốc tế mà Việt Nam sẽ tham gia ký kết trong tương lai là những yêu cầu khách quan đòi hỏi tăng cường sự bảo đảm QCN - QBC trong TTHS. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng chủ đạo trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về CCTP: *“cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp, bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa án làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp...”*.

Ngoài ra, Việt Nam chưa có luật riêng về tư pháp người CTN, chưa có cơ quan đầu mối giám sát chấp hành các chế tài xử phạt tại cộng đồng, chưa có lực lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Tòa án chuyên trách để xử lý các vụ án về người CTN. Những khiếm khuyết trên đã trở thành rào cản trong quá trình hoàn thiện hệ thống tư pháp cho người CTN của Việt Nam.

Chính từ những thực trạng trên, cho thấy nhu cầu đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN là hoàn toàn tất yếu. Cần phải có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Đảng, Nhà nước, sự tham gia của chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc thực hiện quyền trẻ em. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật TTHS và chính sách hình sự để đảm bảo tính đồng bộ, khách quan, dân chủ.

3.1.2. Phương hướng tăng cường bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên trong Tố tụng hình sự

- Đối với cơ quan THTT, người THTT: Người CTN, do chưa đủ trưởng thành và thiếu kinh nghiệm sống, thường phải chịu sức ép tâm lý lớn hơn nhiều so với người thành niên khi phải tiếp xúc với những người THTT. Vì thế, thái độ đúng mực, tâm lý cảm thông của các cán bộ này đối với người CTN có thể khiến họ suy nghĩ tích cực về Nhà nước nói chung và hệ thống tư pháp hình sự nói riêng. Chính ý nghĩ tích cực này sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ hợp tác trong quá trình THTT và ý thức cải tạo, phục hồi của người CTN trong tương lai.

Rất nhiều Quốc gia trên thế giới đã xây dựng hệ thống Tòa án gia đình hoặc Tòa án người CTN với các thủ tục tố tụng đặc thù, khác biệt với thủ tục TTHS chung, cùng với đội ngũ Điều tra viên, Công tố viên, Thẩm phán chuyên trách để xử lý các vụ án người CTN. Ở nước ta, mặc dù pháp luật TTHS đã quy định những yêu cầu đặc biệt đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên và thành phần HĐXX trong vụ án có người bị buộc tội CTN. Tuy nhiên, quy định này vẫn chưa được thực thi trong thực tế. Xuất phát từ nhu cầu bảo vệ đặc biệt các đối tượng người bị buộc tội CTN nên trong thời gian tới cần nhanh chóng xây dựng đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên sâu về tâm lý học, giáo dục học để đảm trách thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với những vụ án do người CTN thực hiện.

Để có thể hiểu biết thấu đáo về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm CTN, người THTT không những phải hiểu biết về thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm CTN mà còn cần có đủ kiến thức về các chuẩn mực quốc tế tư pháp người CTN, theo học các nội dung chương trình đào tạo hoặc bồi dưỡng chuẩn về tâm lý, khoa học giáo dục người CTN, trau dồi kỹ năng thực hành trong công tác điều tra, truy tố và xét xử thân thiện đối với người CTN vi phạm pháp luật, nạn nhân và nhân chứng trẻ em.

Hiện nay, nguyên tắc tranh tụng ngày càng được hoàn thiện và bổ sung những nội dung mới phù hợp với xu thế phát triển và dân chủ hoá mọi mặt của đời sống xã hội. Điều đó đòi hỏi việc xét xử VAHS phải được tiến hành dưới hình thức tranh

luận bình đẳng giữa hai bên buộc tội và bào chữa trong việc đưa ra các chứng cứ, lý lẽ và viện dẫn các văn bản pháp luật... để HĐXX làm trọng tài phân xử. Mô hình TTHS hiện nay ở Việt Nam là mô hình pha trộn, chịu ảnh hưởng của mô hình TTHS lục địa (Pháp, Liên Xô cũ). Giải pháp phù hợp cho việc hoàn thiện mô hình TTHS ở Việt Nam không phải là chuyển đổi hẳn tức thời sang mô hình tranh tụng mà phải thay đổi dần dần, từng bước hoàn thiện mô hình pha trộn theo hướng thiên về tranh tụng nhiều hơn.

Cùng với sự phát triển của đất nước, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày càng được quan tâm, đặc biệt là sau khi Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1990. Việt Nam cũng đã xây dựng được một hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ trẻ em nói chung và người CTN nói riêng trong các VAHS. Luật Tổ chức Tòa án 2014 đã quy định việc thành lập Tòa án gia đình và người CTN, áp dụng trình tự thủ tục xét xử phù hợp với tâm sinh lý trẻ em. Đây là bước đột phá trong tiến trình xây dựng môi trường tố tụng thân thiện. Tuy nhiên, đến nay mô hình này chỉ mới hình thành ở một số thành phố lớn chứ chưa được triển khai nhân rộng trên phạm vi cả nước.

Thực tiễn giải quyết các vụ án trong thời gian qua cho thấy, tỷ lệ tội phạm do người CTN thực hiện vẫn có chiều hướng gia tăng. Cơ cấu, tổ chức, tính chất tội phạm ngày càng phức tạp, có không ít trường hợp đã bị Tòa án áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhưng không mang lại hiệu quả, tỷ lệ người CTN tái phạm còn cao. Bên cạnh đó, những mâu thuẫn nảy sinh trong các gia đình có xu hướng gia tăng, tác động tiêu cực đến tâm lý, quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em và người CTN là thành viên của gia đình. Với mô hình tổ chức Tòa án như hiện nay thì đội ngũ làm công tác xét xử không phải là những Thẩm phán chuyên trách, không phải Thẩm phán nào cũng có kiến thức chuyên sâu và những kinh nghiệm cần thiết để giải quyết các vụ án liên quan đến người CTN. Việc xét xử vẫn được tiến hành trong những phòng xử án dùng để xét xử những người đã thành niên phạm tội. Khi xét xử những vụ án có liên quan đến người CTN, dù họ tham gia với tư cách bị cáo hay bị hại, cũng nên có Tòa án dành riêng cho họ để quyền lợi được

đảm bảo một cách tối ưu nhất. Vì vậy, trong thời gian tới cần nhanh chóng hoàn thiện các khâu chuẩn bị về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để thành lập và đưa mô hình Tòa án gia đình và người CTN vào thực tiễn. Từ đó, góp phần hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp, đáp ứng yêu cầu CCTP, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến tâm sinh lý của trẻ em, người CTN. Việc thành lập Tòa án gia đình và người CTN cũng là bước đi cụ thể để thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ các quyền dân sự, chính trị, quyền của trẻ em đã được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như phù hợp với thông lệ của nhiều nước trên thế giới.

- Đối với người bị buộc tội CTN: Việc tăng cường ý thức pháp luật trong nhân dân, người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng có tầm ý nghĩa rất quan trọng trong việc nhận thức và thực hiện các quy định của pháp luật. Trong TTHS, bằng việc nâng cao nhận thức của người dân về QBC, vai trò của Điều tra viên, NBC, Kiểm sát viên, Thẩm phán, các nguyên tắc tranh tụng... cũng góp phần đảm bảo thực hiện QBC và nâng cao chất lượng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Để thực hiện được điều đó thì công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có ý nghĩa, vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị chỉ rõ: *"Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua các phiên tòa xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân"*. Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã khẳng định: *"Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng"*.

- Đối với NBC: Trong điều kiện đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện,

theo định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định vai trò của NBC nói chung và Luật sư nói riêng trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Ngày 05/07/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1072/QĐ - TTg phê duyệt Chiến lược phát triển nghề Luật sư đến năm 2020 đã xác định mục tiêu:

“Đến năm 2020, phát triển số lượng khoảng từ 18.000 - 20.000 Luật sư, đạt tỷ lệ số Luật sư trên số dân khoảng 1/4.500 đáp ứng ngày càng cao nhu cầu về dịch vụ pháp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; tại mỗi địa phương có khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội có từ 30 đến 50 Luật sư, bảo đảm tham gia 100% số lượng các VAHS theo yêu cầu của cơ quan THTT; số Luật sư có khả năng tham gia tư vấn, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế là khoảng 150 người.

Đến năm 2020, đảm bảo 100% số lượng Luật sư được bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, đạo đức và ứng xử nghề nghiệp theo chuẩn mực nghề nghiệp Luật sư; tạo nguồn lựa chọn những Luật sư giỏi để có thể bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp và chức danh quản lý Nhà nước.

Đến năm 2020, đảm bảo trên 50% các VAHS Tòa án xét xử có Luật sư tham gia; phần đầu đạt mục tiêu có trên 50% số lượng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý của Luật sư.

Phần đầu đến năm 2020, phát triển được khoảng 30 tổ chức hành nghề Luật sư có quy mô từ 50 đến 100 Luật sư và từ 100 Luật sư trở lên hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài, trong đó, có khoảng 10 tổ chức hành nghề Luật sư của Việt Nam có thương hiệu, uy tín trong khu vực và thế giới. Phát triển số lượng từ 5 đến 10 tổ chức hành nghề Luật sư tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Đến năm 2020, phần đầu phát triển Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các Đoàn Luật sư mang tính chuyên nghiệp cao ngang tầm với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp Luật sư trong khu vực và trên thế giới, phát huy tối đa vai trò tự quản của các tổ chức này”.

Luật sư là lực lượng nòng cốt thực hiện các dịch vụ pháp lý nói chung và tham

gia bào chữa trong VAHS nói riêng. Tuy nhiên, số Luật sư hiện nay trên địa bàn tỉnh còn quá ít và vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tư vấn pháp lý và bào chữa. Trước thực trạng trên, ngày 23/12/2010 UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 2547/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ Luật sư trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nghề Luật sư đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm tạo động lực, thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ Luật sư về số lượng, nâng cao chất lượng, góp phần tăng cường bảo đảm QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng.

Cùng với Luật sư thì Trợ giúp viên pháp lý cũng là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện đảm bảo QBC đối với người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng. Ngày 10/05/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 678/QĐ -Ttg phê duyệt chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 xác định mục tiêu phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

““Đáp ứng đầy đủ và có chất lượng nhu cầu TGPL của người thuộc diện được TGPL. Có hướng nghiên cứu để đề nghị chuyển đổi chức danh Trợ giúp viên pháp lý thành chức danh Luật sư Nhà nước. Nâng cao vai trò của người tham gia TGPL thuộc các tổ chức hành nghề Luật sư, tư vấn pháp luật, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên ngành luật, các cơ quan báo chí, truyền thông.

2. Phát triển mạng lưới tổ chức thực hiện TGPL và mạng lưới hỗ trợ hoạt động TGPL ở cơ sở:

Bảo đảm có đủ lực lượng người thực hiện TGPL của Nhà nước chuyên sâu theo các lĩnh vực pháp luật. củng cố và kiện toàn bộ máy của các Chi nhánh của Trung tâm TGPL Nhà nước bảo đảm tính độc lập trong hoạt động và chịu trách nhiệm về TGPL;

Huy động, khuyến khích tối đa các tổ chức hành nghề Luật sư, tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL, bảo đảm có đủ nguồn lực để thực hiện TGPL đáp ứng

nhu cầu đa dạng của nhân dân...

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Phát triển đội ngũ người thực hiện TGPL chuyên nghiệp của Nhà nước khoảng 1.500 người và đội ngũ cộng tác viên khoảng 20.000 người, bao gồm Luật sư, luật gia và những người làm công tác pháp luật khác; chú trọng phát triển các cộng tác viên TGPL là phụ nữ và người dân tộc thiểu số, người biết tiếng dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ, nhân viên xã hội, người có uy tín trong cộng đồng ...;

Bảo đảm 100% người thực hiện TGPL được đào tạo, bồi dưỡng với các hình thức phù hợp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức quản lý hành chính Nhà nước, trình độ chính trị, tin học và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng TGPL, có trình độ và năng lực thực hiện TGPL ở các hình thức: tư vấn, TGTT, hòa giải ... và có kỹ năng phối hợp thuận thực trong hoạt động nghiệp vụ; có trình độ cao trong tổ chức, giải quyết vụ việc, quản lý cộng tác viên và TGPL cộng đồng.

4. Về hoạt động TGPL cụ thể:

Cử Luật sư Nhà nước, Luật sư cộng tác viên TGTT để đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của 100% các vụ án có đương sự, bị can, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người được TGPL có yêu cầu TGPL”.

Người CTN là đối tượng thuộc diện được TGPL miễn phí. Trong những năm qua, rất nhiều các người bị buộc tội CTN đã nhận được sự hỗ trợ giúp đỡ về mặt pháp lý miễn phí, được các Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa trong quá trình THPT. Trong tương lai không xa, đây chính là lực lượng chủ chốt thực hiện hoạt động bào chữa cho người chưa thành niên và cũng là chủ thể quan trọng góp phần tăng cường đảm bảo QBC cho người bị buộc tội CTN.

3.2. Các biện pháp cụ thể tăng cường bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên trong Tố tụng hình sự

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật Tố tụng hình sự về quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa thành niên

Qua phân tích các quy định của BLTTHS 2003, các văn bản pháp luật khác có

liên quan, đối chiếu với BLTTHS 2015 và thực tiễn áp dụng pháp luật trong những năm qua đã thể hiện được sự quan tâm của Nhà nước đối với việc đảm bảo QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau và tình hình phát triển của đất nước hiện nay, BLTTHS 2003 đã bộc lộ nhiều nhược điểm, hạn chế và cần phải được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện, nhằm kịp thời thể chế hóa các nghị quyết của Đảng về CCTP, cũng như hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do người CTN thực hiện nhằm tăng cường bảo đảm QBC, tạo điều kiện cho việc giải quyết vụ án một cách đúng đắn, khách quan toàn diện và có hiệu quả hơn. BLTTHS 2015 ra đời, thay thế cho BLTTHS 2003, với những sửa đổi, bổ sung tiến bộ đã phần nào khắc phục được những yếu điểm của Bộ luật cũ. Tuy chưa chính thức có hiệu lực và đi vào thực hiện nhưng xét một cách tổng thể BLTTHS 2015 cơ bản đã có những sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường bảo đảm hơn về QBC cho người bị buộc tội CTN, cụ thể: đã sửa đổi các quy định về điều tra, truy tố, xét xử người CTN, phạm vi áp dụng các quy định trong Chương XXXII về thủ tục tố tụng đối với người CTN trong đó có thủ tục liên quan đến QBC.

Tuy nhiên, qua phân tích tác giả cho rằng, các sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn cần có của người THTT đối với các vụ án do người CTN thực hiện vẫn chưa thực sự hoàn thiện, còn nhiều điểm hạn chế và cần thiết phải được nhanh chóng điều chỉnh để đảm bảo QBC cho người bị buộc tội CTN. Cụ thể:

- Trên thực tế, phần lớn người THTT đối với trường hợp người bị buộc tội CTN còn có những điểm chưa đáp ứng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 302 BLTTHS 2003 quy định: *“Điều tra viên, kiểm sát viên, Thẩm phán THTT đối với người CTN phạm tội phải là người có những hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người CTN”* là không có tính khả thi, vì các yêu cầu này còn mang tính chung chung, chưa xác định rõ những tiêu chí cụ thể. Trên thực tế nhiều trường hợp khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử đối với người CTN phạm tội, những người THTT lại dựa trên kinh nghiệm và đường lối TTHS áp dụng đối với người thành niên. Vì vậy, các cơ quan

THTT cần có sự chuyên môn hóa về tổ chức cũng như về nguồn nhân lực để giải quyết các vụ án do người bị buộc tội CTN thực hiện. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán phải là những người được đào tạo chuyên sâu về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người CTN.

Điều 415 BLTTHS 2015 đã có quy định đầy đủ hơn về người THTT đối với những VAHS do người CTN thực hiện: *“Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi”*.

Tuy nhiên, vẫn chưa xác định rõ tiêu chí đánh giá chuẩn mực hiểu biết cần thiết là như thế nào? phải hiểu biết đến mức độ bao nhiêu về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người CTN mới là đạt yêu cầu?

Vì vậy, để đảm bảo cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử người bị buộc tội CTN đạt hiệu quả tối ưu nhất, tác giả kiến nghị sửa đổi theo hướng như sau: *“Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, được đào tạo về tâm lý học, khoa học giáo dục chuyên sâu đối với người dưới 18 tuổi”*.

Về xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 423 BLTTHS 2015 quy định: *“Thành phần HĐXX sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi”*. Quy định như vậy vẫn chưa thực sự đảm bảo được quyền lợi của bị cáo là người CTN. Bởi vì, có rất nhiều người là giáo viên nhưng hoàn toàn không có kiến thức về tâm sinh lý, về khoa học giáo dục người CTN hoặc có nhưng rất ít (giáo viên mầm non, giáo viên giảng dạy bậc đại học...). Chỉ có những thầy cô giáo ở bậc trung học cơ sở và bậc trung học phổ thông mới được đào tạo về tâm sinh lý của người CTN và do thường xuyên tiếp xúc, quản lý, giảng dạy những trẻ từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi nên sự hiểu biết của họ rất sâu sắc. Dù rằng những thầy cô giáo này đến tuổi nghỉ hưu hay chuyển sang công tác khác thì những hiểu biết về tâm

sinh lý của người CTN cũng không thể mất đi. Do vậy, sự tham gia vào thành phần HĐXX của họ mới đạt được những hiệu quả nhất định. Bên cạnh đó, trong định hướng sắp tới thành lập Tòa án gai đình và người CTN thì Thẩm phán phải là Thẩm phán chuyên trách về gia đình và người CTN.

Vì vậy, Tác giả cho rằng cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 423 BLTTHS như sau: *“Thành phần HĐXX sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người đã, đang thường xuyên tiếp xúc, quản lý, giảng dạy những trẻ từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi”*.

3.2.2. Nâng cao nhận thức, năng lực và trau dồi đạo đức đối với chủ thể thực hiện quyền bào chữa, nhà làm luật, người tiến hành tố tụng

3.2.2.1. Nâng cao nhận thức, năng lực và trau dồi đạo đức đối với chủ thể thực hiện quyền bào chữa

Trong thực tế, bản thân những người bị buộc tội CTN và người đại diện hợp pháp của họ thường không có khả năng bào chữa có hiệu quả. Việc NBC TGTT đề bảo vệ cho người bị buộc tội là hết sức cần thiết và hữu ích. Sự tham gia của NBC trong VAHS lại phụ thuộc vào ý chí chủ quan của chính người bị buộc tội CTN, người đại diện hợp pháp và gia đình của họ. Vì vậy, nếu người dân nhận thức không đúng về vai trò và vị trí của NBC sẽ là rào cản lớn, ngăn trở việc đảm bảo QBC. Việc thay đổi nhận thức về vai trò của NBC là cách tốt nhất để trang bị cho người bị buộc tội những phương tiện, biện pháp giúp họ bảo vệ mình khi TGTT và thực hiện tốt QBC của mình.

Luật sư, NBC là người cùng với các cơ quan THTT góp phần vào quá trình xây dựng và phát triển xã hội, bảo vệ dân chủ và công bằng. Với tư cách là một chức danh tư pháp tham gia độc lập vào đời sống xã hội và tố tụng tư pháp, Luật sư đóng vai trò ngày càng quan trọng trong các thiết chế dân chủ ở nước ta. Bảo đảm QBC của người bị buộc tội được BLTTHS 1988 ghi nhận, BLTTHS 2003 kế thừa và BLTTHS năm 2015 phát huy. Vấn đề này được quy định thành một trong những nguyên tắc quan trọng, thể hiện thái độ và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước ta đối

với nhân dân nói chung và người bị buộc tội nói riêng. Bảo đảm được quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa cho mình khi tham gia TTHS là thể hiện được sự văn minh, dân chủ trong quá trình tố tụng.

Hoạt động bào chữa trong TTHS chỉ đạt được hiệu quả khi và chỉ khi hội đủ ba điều kiện cần thiết, đó là điều kiện về pháp lý, điều kiện về tổ chức và điều kiện về con người. Trong đó, vấn đề có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả hoạt động bào chữa phải là việc nâng cao năng lực trách nhiệm của những người làm công tác bào chữa. Để đạt được mục tiêu nói trên, cần phải quán triệt các yêu cầu sau:

- Xây dựng đội ngũ những người làm công tác bào chữa thực sự có năng lực, không chỉ thỏa mãn các điều kiện về tiêu chuẩn pháp luật mà cái chính ở đây là phải đáp ứng được những yêu cầu của thực tiễn tố tụng. Năng lực cá nhân, uy tín, kinh nghiệm của NBC có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả bào chữa. Vì vậy, đội ngũ những người làm công tác bào chữa phải được đào tạo chuyên sâu về người CTN (giống như xây dựng đội ngũ những người THPT chuyên trách). Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng hành nghề. NBC phải thường xuyên được cập nhật kiến thức pháp luật và bồi dưỡng nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu thực hiện QBC của người bị buộc tội có hiệu quả.

- NBC phải nhận thức và nêu cao hơn nữa trách nhiệm của mình khi TGTT bảo vệ quyền lợi cho người bị buộc tội. phải đề cao đạo đức nghề nghiệp đối với những người làm công tác bào chữa. NBC phải luôn tôn trọng pháp luật và sự thật, trung thực trong hoạt động của mình, có nhiệt huyết và lương tâm nghề nghiệp.

- Tích cực nâng cao chất lượng và số lượng Luật sư, đồng thời quan tâm đến chế độ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tuyển phải bảo đảm các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư; chế độ miễn cho những người THPT (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên và các đối tượng khác) cũng phải có tiêu chí cụ thể chứ không phải ai cũng được miễn như quy định hiện nay; cần có quy định bảo vệ Luật sư khi hành nghề, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với Luật sư vi phạm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

3.2.2.2. Nâng cao nhận thức, năng lực và trau dồi đạo đức đối với nhà làm luật

- Cần chú trọng nâng cao vai trò, năng lực của chuyên gia trong việc xây dựng, soạn thảo luật và các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo ban hành văn bản đạt chất lượng tốt, phù hợp với tình hình thực tế hiện tại và áp dụng được trong tương lai lâu dài; Xác định rõ trách nhiệm cơ quan trình dự án luật.

- Có các chính sách thu hút đội ngũ Luật sư, những chuyên gia am hiểu về pháp luật và những nhà hoạt động thực tiễn vào công tác xây dựng luật.

- Đưa ra các giải pháp phát huy trí tuệ của mọi tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của văn bản luật và thực sự đi vào đời sống nhân dân.

- Thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ và tập huấn, trao đổi kỹ năng soạn thảo văn bản. Quan tâm trong công tác ban hành văn bản và cần có sự đầu tư thích đáng cho hoạt động này. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào có sự quan tâm, đầu tư đúng mực thì chất lượng văn bản quy phạm pháp luật sẽ được đảm bảo và tiến bộ hơn.

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với hoạt động quản lý, điều hành của cán bộ lãnh đạo theo lối tư duy mới, tiến bộ.

3.2.2.3. Nâng cao nhận thức, năng lực và trau dồi đạo đức đối với người tiến hành tố tụng

Đảm bảo QBC đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội CTN. QBC của người bị buộc tội CTN không thể được bảo đảm nếu cơ quan THPT, người THPT không nhận thức đầy đủ nội dung, ý nghĩa và tầm quan trọng của nó. Cơ quan THPT, người THPT là những chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ làm sáng tỏ các yếu tố của đối tượng chứng minh và tiến hành giải quyết vụ án trong phạm vi quyền hạn của mình. Vì vậy, trước hết họ phải nhận thức một cách nghiêm túc và đúng đắn việc bảo đảm thực hiện QBC của người bị buộc tội chính là giúp họ giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và đầy đủ. Nghị quyết Hội nghị Trung ương III Khoá VIII của Ban Chấp hành trung ương

Đảng nêu rõ: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và có năng lực chuyên môn. Lập quy hoạch tuyển chọn, đào tạo, sử dụng cán bộ tư pháp theo từng loại chức danh với tiêu chuẩn cụ thể*”. Do đó, nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ THTT phải tập trung một số vấn đề sau:

- Theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm Kiểm sát viên, Thẩm phán, Điều tra viên thì những người trực tiếp giải quyết các VAHS về chuyên môn phải có trình độ cử nhân Luật và trải qua lớp đào tạo nghiệp vụ tại Học viện Tư pháp, Học viện Kiểm sát, Học viện Tòa án với thời hạn nhất định (đối với Thẩm phán, Kiểm sát viên). Đối với Điều tra viên họ có thể tốt nghiệp Đại học Cảnh sát, Đại học an ninh hoặc Đại học Luật và trải qua lớp đào tạo về nghiệp vụ. Xét về kiến thức pháp luật, các chức danh này có thể đã trang bị đầy đủ nhưng về thực tiễn họ cần thời gian để rèn luyện năng lực bản thân thông qua các vụ án cụ thể. Do đó, cần chú trọng rèn luyện năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho người THTT. Đồng thời, người THTT còn phải am hiểu các quy định về lĩnh vực khác liên quan đến vụ án mình giải quyết để đưa ra những lập luận chuẩn xác.

- Các cơ quan có thẩm quyền cần thường xuyên tiến hành rà soát lại lực lượng, phân loại trình độ chuyên môn cán bộ làm nhiệm vụ trong các cơ quan THTT để có kế hoạch sắp xếp, phân công công việc phù hợp, kịp thời đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, từng bước giảm dần cán bộ yếu kém, thiếu năng lực, tinh thần trách nhiệm thấp, bổ sung đầy đủ cán bộ đảm đương nhiệm vụ, tránh tình trạng quá tải trong công việc.

- Nhằm đảm bảo những người THTT khi tiếp xúc với người bị buộc tội CTN sẽ có cách thức xử sự đúng mực, cảm thông với các em, tìm được phương thức hợp lý để gợi mở, thúc đẩy sự hợp tác trong quá trình làm sáng tỏ vụ án, thấu hiểu những diễn biến tâm sinh lý của các em trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như trong quá trình TGTT, tìm ra được giải pháp thích hợp nhất để giúp các em nhận thức lỗi lầm, cải tạo và hướng thiện thì việc tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tế và các kiến thức pháp luật mới của những người THTT là hết sức cần thiết. Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm

tra, đánh giá trình độ, từ đó có chế độ tuyên dương, khen thưởng xứng đáng. Phát động các phong trào thi đua có ý nghĩa, trau dồi về đạo đức, tác phong sống, làm việc nghiêm túc, lành mạnh; coi đây là cơ sở đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm. Đồng thời, cần chú ý đến văn hóa ứng xử khi điều khiển tranh tụng tại phiên tòa. Vấn đề này tuy không được điều chỉnh bởi pháp luật nhưng nó ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của phiên tòa cũng như uy tín, vị thế của cơ quan THTT.

- Thay đổi nhận thức chưa đúng đắn của những người THTT về vai trò, vị trí của NBC trong TTTHS. Cần phải nhìn nhận sự tham gia của NBC là yếu tố khách quan để vụ án được giải quyết đúng đắn. Sự có mặt của NBC không gây khó khăn cho các cơ quan THTT, NBC giúp cơ quan THTT nhanh chóng xác định được sự thật vụ án chứ không phải là “đối thủ” của các cơ quan THTT. Vì vậy, người THTT cần phải tạo điều kiện cho NBC thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

3.2.3. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền bào chữa của người bị buộc tội CTN trong TTTHS

Quyền và bảo đảm QBC là hai vấn đề gắn liền nhau nhưng hoàn toàn khác nhau. Quyền sẽ không đi vào thực tế nếu như không có cơ chế cụ thể để bảo đảm. Bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN được BLTTTHS ghi nhận là một nguyên tắc cơ bản và xây dựng cơ chế thực thi để các quyền tố tụng không trở thành những câu khẩu hiệu sáo rỗng. Việc bảo đảm quyền của người bị buộc tội CTN được pháp luật TTTHS thực hiện bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau:

- Nhà nước có trách nhiệm ban hành, hoàn thiện các cơ chế bảo đảm thực thi QBC của công dân. Trong thực tế hiện nay, QBC của công dân đang được pháp luật bảo đảm thông qua hai cách: người bị buộc tội, đương sự tự bỏ tiền ra mời Luật sư bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích cho mình hoặc Nhà nước thông qua các cơ quan THTT mời và bỏ tiền ra thanh toán chi phí cho Luật sư tham gia bào chữa cho người bị buộc tội CTN, người bị truy tố có khung hình phạt cao nhất đến 20 năm tù, tử hình hoặc là người có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Nhà nước cũng có thể thông qua các hoạt động TGPL miễn phí để thanh toán tiền cho Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa, bảo vệ trong một số nhóm đối tượng nhất định.

- Nhà nước ban hành những quy định đúng đắn, khả thi trong pháp luật TTHS và đảm bảo thực hiện các quy định đó trong thực tiễn. Quy định đầy đủ quyền của người bị buộc tội là người CTN; quy định các thủ tục tố tụng, bảo đảm hạn chế mức thấp nhất việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng đối với người bị buộc tội CTN; quy định các biện pháp pháp lý cho việc thực hiện quyền của người bị buộc tội CTN; đồng thời quy định biện pháp xử lý các vi phạm quyền của người bị buộc tội CTN.

- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan THTT, người THTT, người TGTT. Cần xây dựng một chế độ trách nhiệm rõ ràng, minh bạch của các chủ thể này trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để đảm bảo cho việc thực hiện QBC của người bị buộc tội CTN. Tăng cường trách nhiệm của hệ thống cơ quan THTT cũng như trách nhiệm kiểm sát trong hoạt động điều tra, đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Đảng và Nhà nước ta có trách nhiệm trong việc ban hành, hoàn thiện các cơ chế bảo đảm thực thi QBC của công dân trong suốt quá trình tố tụng của vụ án nhằm tiến tới một xã hội công bằng, dân chủ, tiến bộ và văn minh.

- Từ phương diện bảo vệ quyền của người bị buộc tội trong TTHS, việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng sẽ là cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền đó trên thực tế, cân bằng lại vai trò của các bên trước Tòa án, khẳng định tầm quan trọng của NBC.

Để đảm bảo QBC của người bị buộc tội nói chung và người bị buộc tội CTN nói riêng pháp luật quy định quyền có mặt của NBC trong một số hoạt động tố tụng như: tham gia lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can, nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa. Quy định này có tính chất tùy nghi và không có nội dung quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện quyền đó. Trên thực tế, có rất nhiều lý do cơ quan THTT có thể đưa ra làm cho Luật sư khó có thể tiếp cận, gặp gỡ người bị tạm giữ, bị can, nhất là khi bị can đang bị tạm giam và bị hỏi cung. Vì vậy, cần hành chóng có sự điều chỉnh, bổ sung để khắc phục

triệt để điếm hạn chế nay.

Bổ sung quy định các biện pháp xử lý vi phạm quyền của người bị buộc tội CTN. Tùy theo mức độ mà đưa ra hình thức xử phạt phù hợp, có thể áp dụng các biện pháp như: kỷ luật đối với người THPT, bồi thường thiệt hại cho người bị buộc tội. truy cứu TNHS đối với hành vi vi phạm nghiêm trọng đến QCN thay đổi người THPT...

Có biện pháp bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của người bị buộc tội CTN. Khiếu nại, tố cáo là những biện pháp quan trọng tạo điều kiện cho người bị buộc tội CTN khi phát hiện cơ quan THPT hoặc người THPT xâm phạm đến những quyền của mình được quy định trong BLTTHS thì có thể khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết sai phạm, bảo vệ quyền lợi của mình.

- Nhanh chóng bổ sung đủ số lượng, đồng thời nâng cao chất lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đáp ứng đòi hỏi yêu cầu của công tác giải quyết các VAHS. Hiện nay, một thực tế đáng buồn là nhiều sinh viên có bằng cử nhân Luật ra trường không có việc làm nhưng số lượng cán bộ làm công tác tư pháp nói chung và THPT nói riêng lại đang rất thiếu. Đây là một sự bất hợp lý, lãng phí nguồn nhân lực. Vì vậy, chúng ta phải có kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực này, bổ sung vào hệ thống các cơ quan THPT, đáp ứng yêu cầu của công cuộc CCTP.

- Có chế độ đãi ngộ, thưởng phạt hợp lý đối với những người làm công tác THPT. Hiện nay, lương chính cộng với các khoản phụ cấp ngoài lương của những người THPT như: Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án... còn thấp, chưa đủ đáp ứng được cuộc sống vật chất cũng như tinh thần, chưa tương xứng với tính chất nghề nghiệp. Vì vậy, cần có sự quan tâm đúng mức để tạo động lực cho những người THPT nhiệt tình với công việc, tránh sự cảm dỗ vật chất, yên tâm công tác tốt.

- Nhanh chóng chuẩn bị về nhân lực và cơ sở vật chất để sớm thành lập đồng bộ hệ thống Tòa án gia đình và người CTN ở các cấp Tòa án trên phạm vi cả nước, tạo môi trường xét xử thân thiện, nhẹ nhàng, đảm bảo tốt nhất QBC của người bị

buộc tội CTN.

Như vậy, quyền và bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, Nhà nước quy định cho người bị buộc tội CTN hưởng quyền, đồng thời cũng quy định nghĩa vụ của các cơ quan THTT phải bảo đảm cho quyền đó được thực hiện nhằm bảo đảm tốt nhất cho quyền lợi của người bị buộc tội CTN.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở những nhu cầu cấp thiết và phương hướng tăng cường bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trong thời gian tới, Luận văn đã đề xuất một số biện pháp cụ thể nhằm tăng cường bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN như: Các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS; Nâng cao nhận thức, năng lực và trau dồi đạo đức đối với chủ thể thực hiện QBC, nhà làm luật, người THTT và hoàn thiện cơ chế bảo đảm, bảo vệ QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS. Đây là cơ sở, biện pháp khắc phục những khó khăn, hạn chế trong thời gian qua và đảm bảo thực thi có hiệu quả QBC của người bị buộc tội CTN trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Người bị buộc tội CTN được hưởng tất cả các quyền trong TTHS giống như những người thành niên. Tuy nhiên, do đặc thù về độ tuổi, sự phát triển tâm sinh lý chưa đầy đủ nên pháp luật TTHS cũng có những quy định riêng mang ý nghĩa tích cực để áp dụng cho nhóm đối tượng này. Điều này thể hiện được tính nhân văn và tiến bộ trong pháp luật TTHS đồng thời thể chế hóa một cách triệt để những quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong tất cả các quyền của người bị buộc tội CTN thì QBC là một trong những nội dung rất rộng và xuyên suốt cả quá trình tố tụng. Luận văn đã đề xuất các phương pháp nghiên cứu để có thể làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của đề tài: "*Bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Trị*".

Cùng với sự phát triển của pháp luật TTHS, QBC của người bị buộc tội CTN ngày càng được hoàn thiện, mở rộng và là một nguyên tắc hiến định, nguyên tắc đặc thù của BLTTHS. Bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN là thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của công dân; giúp cho công tác điều tra, truy tố, xét xử được tiến hành khách quan, toàn diện và đầy đủ, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; thể hiện tính dân chủ, nghiêm minh trong quá trình giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, thực tiễn THTT cho thấy, việc quy định và bảo đảm QBC ở nước ta nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng còn nhiều hạn chế, vướng mắc. Vì vậy, cần nghiên cứu, xác định rõ những nguyên nhân phát sinh vướng mắc, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp khắc phục. Mặc dù đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu ở phạm vi mức độ khác nhau nhưng vẫn rất cần tiếp tục tìm hiểu, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2015 đã xác định nguyên tắc tranh tụng là nền tảng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Dưới góc độ luật TTHS và xuất phát từ phạm vi, mục tiêu nghiên cứu, Luận văn đã giải quyết được những vấn đề cụ thể như sau:

Luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận, đánh giá được vai trò và các yếu tố

bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trong TTHS Việt Nam. Từ đó, chỉ ra được tầm quan trọng của QBC cũng như nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải tôn trọng và bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN trong quá trình giải quyết VAHS. Khái quát pháp luật TTHS Việt Nam về QBC của người bị buộc tội nói chung, người bị buộc tội CTN nói riêng và đưa ra cái nhìn tổng quan về quá trình hình thành, phát triển của chế định này qua các thời kỳ, rút ra những điểm mới của BLTTHS 2015 so với BLTTHS 2003, ưu điểm cần thiết kế thừa, quan điểm tiến bộ nên học hỏi và hạn chế phải loại bỏ nhằm hướng tới hoàn thiện chế định về QBC của người bị buộc tội CTN cũng như BLTTHS.

Luận văn đã phân tích được thực trạng pháp luật và thực trạng bảo đảm QBC của người bị buộc tội CTN ở Việt Nam và tỉnh Quảng Trị trong những năm gần đây. Từ đó, đánh giá những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn áp dụng và xác định nguyên nhân phát sinh vướng mắc. Trên cơ sở đó, tác giả mạnh dạn đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTHS về đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN. Đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục vướng mắc như xác định rõ trách nhiệm cũng như những biện pháp chế tài đối với những người THTT, người TGTT trong các vụ án mà người bị buộc tội CTN, xác định sự cần thiết phải thành lập Tòa gia đình và người CTN là một giải pháp có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Việc thành lập Tòa chuyên trách đối với người CTN là phù hợp với Chiến lược CCTP đến năm 2020, trong đó có việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, xây dựng thêm một đội ngũ người THTT chuyên trách trong lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử người bị buộc tội CTN.

Luận văn vẫn còn những hạn chế và thiếu sót nhất định, song phần nghiên cứu kèm theo các kiến nghị nêu trong Luận văn là những đóng góp mang tính sáng kiến pháp luật để giải quyết những tồn tại theo hướng hoàn thiện BLTTHS nói chung, những quy định về đảm bảo QBC của người bị buộc tội CTN nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*
2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy (2006), *Chương trình số 06-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.*
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
5. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị 48-CT.TW 21/10/2010 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới.*
6. Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa.
7. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT- BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC về hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với Trung tâm Trợ giúp pháp lý.*
8. Công an tỉnh Quảng Trị (2016), *Báo cáo thống kê tình hình nhiệm vụ Công an nhân dân tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015.*
9. Nguyễn Ngọc Chí (2001), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2006), *Tài liệu Hội thảo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ tháng 6 năm 2016.*

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
13. Phạm Hồng Hải (1999), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, NXB công an nhân dân, Hà Nội.
14. Phan Trung Hoài (2016), *Những điểm mới về Chế định bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự trong Bộ luật Tố tụng hình sự*.
15. Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (2014, 2015), *Báo cáo kết quả công tác phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng 2014, 2015*.
16. Liên Hợp Quốc (1989), *Công ước quốc tế về Quyền trẻ em*.
17. Liên Hợp Quốc (1990), *Quy tắc tối thiểu phổ biến về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên bị tước quyền tự do*.
18. Phan Thị Thanh Mai (2006), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
19. Nguyễn Hải Ninh (2009), *Hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo chưa thành niên*, Tạp chí Luật học, (11).
20. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong Tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học Pháp lý, (4).
21. Nguyễn Trọng Phúc (2008), *Về Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (2), tr. 76 – 83.
22. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự 2015*.
23. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự 2015*.
24. Quốc hội (2012), *Bộ Luật Lao động 2012*.
25. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng hình sự 1988*.
26. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*.
27. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*.
28. Quốc hội (1946), *Hiến pháp năm 1946*.
29. Quốc hội (1959), *Hiến pháp năm 1959*.
30. Quốc hội (1980), *Hiến pháp năm 1980*.

31. Quốc hội (1992), *Hiến pháp năm 1992*.
32. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*.
33. Quốc hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012*.
34. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (2016), *Báo cáo thống kê tình hình hoạt động ngành Tòa án tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015*.
35. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
36. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định 1072/QĐ - TTg phê duyệt chiến lược phát triển nghề Luật sư đến năm 2020*.
37. Nguyễn Hữu Thế Trạch (2014), *Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
38. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị (2011, 2012, 2013, 2014, 2015), *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
39. *Từ điển Luật học* (1999), Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
40. *Từ điển Tiếng việt* (2006), Nxb Đà Nẵng.
41. UNDP (2010), *Báo cáo quyền bào chữa trong tố tụng hình sự Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Chương trình phát triển Liên hợp quốc tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010*.
42. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (2011), *Quyết định số 2547/QĐ-UBND phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ Luật sư trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*.
43. Viện khoa học kiểm sát (1999), *dự án VIE/95/018 Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga 1999, bản dịch tiếng việt*.
44. Viện khoa học kiểm sát (1998), *dự án VIE/95/018 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản, bản dịch tiếng việt*.
45. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân Hà Nội.